



CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Mã số Doanh nghiệp: 0310976553

ĐT: (028) 3862 1919

Số Fax: (028) 3790 8856

Website: uspharma.vn

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



THÁNG 05/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Mã số Doanh nghiệp: 0310976553

ĐT: (028) 3862 1919

Số Fax: (028) 3790 8856

Website: uspharma.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
2. Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
3. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
4. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
5. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của HĐQT;
6. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của Tổng giám đốc;
7. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát;
8. Tờ trình số 01: Phân phối lợi nhuận năm 2021;
9. Tờ trình số 02: Thù lao HĐQT & BKS năm 2022;
10. Tờ trình số 03: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
11. Tờ trình số 04: Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (*đính kèm Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022*);
12. Tờ trình số 05: Thành lập Tiểu ban Chiến lược;
13. Tờ trình số 06: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
14. Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
15. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
Trụ sở chính: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (028) 3862 1919 - Website: <https://uspharma.vn/> Mã số Doanh nghiệp: 0310976553

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Kính gửi Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần US PHARMA USA trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- **Thời gian:** 08h30, Thứ bảy, ngày 04/06/2022
- **Địa điểm:** Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM
Lưu ý: Nhằm thực hiện chủ trương phòng dịch COVID-19 của Chính phủ, căn cứ theo quy định pháp luật, Công ty **không tổ chức đón tiếp cổ đông tại địa điểm họp** nêu trên. Quý cổ đông vui lòng đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết các nội dung bằng hình thức trực tuyến. Chi tiết việc đăng ký tham dự và biểu quyết các nội dung bằng hình thức họp trực tuyến, Quý cổ đông tham khảo trong **Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**.
- **Các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông**, chi tiết tại Website <https://uspharma.vn> và xem tại Website: ezgsm.fpts.com.vn.
- **Điều kiện tham dự Đại hội:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 06/05/2022. Cổ đông không thể tham dự trực tiếp được có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Người nhận ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
- **Giải đáp thắc mắc:** Quý Cổ đông vui lòng gửi các câu hỏi, thắc mắc tại Khung hỗ trợ trực tuyến tại website: ezgsm.fpts.com.vn trước ngày 03/06/2022 để Công ty có thể chuẩn bị và phản hồi cho cổ đông tốt nhất.
- **Ủy quyền tham dự Đại hội:** Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký Ủy quyền dự Đại hội tại website: ezgsm.fpts.com.vn và gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu từ hệ thống hoặc theo quy định của luật dân sự) đã ký về địa chỉ: 286/4 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh trước ngày 01/06/2022.
- **Biểu quyết:** Quý cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tất cả các nội dung biểu quyết thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tại website: ezgsm.fpts.com.vn (Thời gian bỏ phiếu điện tử quy định cụ thể tại quy chế làm việc).
- **Liên hệ hỗ trợ:**

Người liên hệ	Nội dung	Email/Điện thoại
Phòng Quan hệ công chúng Công ty Cổ phần US Pharma USA	Giải đáp thắc mắc cổ đông	Điện thoại: 028 38627979 Ext: 100-103 Email: codongusp@gmail.com
Nguyễn Thị Thanh Trúc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Hỗ trợ hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điện thoại: 1900 6446 - Ext: 7594 Email: trucntt@fpts.com.vn

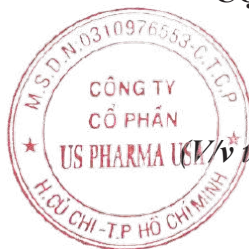
- Thông tin đăng nhập hệ thống Đại hội cổ đông trực tuyến tại website: www.ezgsm.fpts.com.vn

Tên đăng nhập : Sẽ được cấp trong thư mời họp

Mật khẩu : Sẽ được cấp trong thư mời họp

Trân trọng.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Kính gửi: Công ty Cổ phần US PHARMA USA

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/tổ chức:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Số cổ phần đại diện/sở hữu: (Bằng chữ:

..... cổ phần)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email (*):

Số cổ phần được ủy quyền: (Bằng chữ:

..... cổ phần)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự đại hội trực tuyến và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.
- Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức đại hội của Công ty Cổ phần US PHARMA USA
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần US PHARMA USA.

Ngày ... tháng năm 2022

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú:

- Nếu người ủy quyền hoặc người nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức
- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi được gửi về Ban tổ chức trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.
- (*): Bắt buộc phải cung cấp đối với Người nhận Ủy quyền để cung cấp Tên đăng nhập và Mật khẩu tham dự trực tuyến.



CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Mã số Doanh nghiệp: 0310976553

Website: uspharma.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Bắt đầu lúc 8h30 ngày 04 tháng 06 năm 2022)

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30 (30p)	Kiểm tra tư cách đại biểu: Đại biểu đăng nhập tham dự trực tuyến
8h30 – 8h50 (20p)	Khai mạc Đại hội: - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; - Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa; - Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm phiếu, giới thiệu Ban Thư ký Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc; - Thông qua Chương trình Đại hội;
8h50 – 9h30 (40p)	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát trình bày các nội dung sau: - Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022; - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022. - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022;
9h30 – 9h50 (20p)	Đại hội thảo luận các báo cáo
9h50 – 10h00 (10p)	- Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các báo cáo
10h00 – 10h25 (25p)	Các nội dung tờ trình Đại hội: - Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021; - Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; - Tờ trình thành lập Tiểu ban Chiến lược - Tờ trình điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông (nếu có).
10h25 – 10h40 (15p)	Đại hội thảo luận các tờ trình
10h40 – 10h45 (5p)	- Biểu quyết thông qua các tờ trình - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình
10h45 – 11h00 (15p)	- Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11h00	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Mã số Doanh nghiệp: 0310976553

ĐT: (028) 3862 1919

Số Fax: (028) 3790 8856

Website: uspharma.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 05 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần US PHARMA USA
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần US PHARMA USA

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần US PHARMA USA diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần US PHARMA USA Công ty Cổ phần US PHARMA USA diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần US PHARMA USA và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần US PHARMA USA đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần US PHARMA USA

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần US PHARMA USA
- HĐQT : Hội đồng quản trị

- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)
- Hệ thống livestream : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên cuộc họp ĐHĐCĐ website ezgsm.fpts.com và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết¹.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến được xác định khi đại biểu đã thực hiện “**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 06/05/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
 - **Yêu cầu kỹ thuật:** Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - **Cách thức thực hiện:** Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.
 - **Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp trong

¹ Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty

thông báo mời họp và đã thực hiện “**xác nhận tham dự ĐHĐCD trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 04 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCD hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Ông Lê Hoàng Rin	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Phan Thị Hồng Liên	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Trần Thiện Văn	Tổng giám đốc
4	Ông Trần Cung	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Thế Mạnh	Thành viên HĐQT

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa
 - Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;

- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Bà Phan Thị Ánh – Trưởng ban kiểm soát	Trưởng ban
2	Bà Khuru Gia Ý	Thành viên
3	Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
 - Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 03 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Bà Trần Ngọc Lan Trang	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên
3	Ông Phan Văn Phúc	Thành viên

- Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Đoàn Ngọc Sơn	Trưởng ban
2	Lê Trần Thiên Vũ	Thành viên
3	Nguyễn Văn Bình	Thành viên

- Nhiệm vụ:
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: ezgsm.fpts.com.vn hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do đại biểu đã đăng ký) về địa chỉ: codongusp@gmail.com (trước giờ thảo luận).
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: <http://ezgsm.fpts.com.vn>

2. Bỏ phiếu điện tử

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **“Tán thành”**, **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”** với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm *Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu*) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 02/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 01.
 - Các nội dung biểu quyết 02 (gồm các *Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, Báo cáo của Ban Kiểm soát*) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 02/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 03 (gồm các *Tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội*): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 02/06/2022 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần 03.

- Các nội dung biểu quyết 04 (*Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội*): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 02/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 04.
- Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 06/05/2022) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 17.500.000 cổ phần tương đương với 17.500.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần US PHARMA USA biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ HOÀNG RIN

TP, Hồ Chí Minh Ngày 04 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần US Pharma USA đã được Đại hội Cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022 trình Đại hội Cổ đông như sau:

I/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 01 quý 01 lần, ngoài ra có những trường hợp cần thiết sẽ họp ngay trong tháng để giải quyết kịp thời. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành tất cả 12 cuộc họp và ban hành 10 Nghị quyết nhằm kiểm tra tình hình thực hiện và đưa ra các mục tiêu, biện pháp làm cơ sở cho Tổng giám đốc thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông đề ra

Cụ thể một số nội dung cơ bản trong các cuộc họp để chỉ đạo và quyết định của HĐQT trong năm 2021 như sau:

1. Tổng kết tình hình kinh doanh năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021
2. Ký kết hợp đồng tín dụng trung dài hạn với Ngân hàng Vietcombank:
 - Vay mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định khác: 20 tỷ đồng
 - Vay thanh toán tiền nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình tại địa chỉ lô B1-10 đường số D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh 45 tỷ đồng
 - Phát hành bảo lãnh trung dài hạn 5 tỷ đồng
3. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng Techcombank
4. Thống nhất đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

5. Ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Vietcombank với hạn mức 55 tỷ đồng
6. Sơ kết kinh doanh 08 tháng năm 2021
7. Thống nhất mua dây chuyền máy ép vĩ – đóng hộp tự động B300 – TC 120
8. Thống nhất trang bị thêm một số máy móc tự động: máy ép vĩ, máy đếm viên, máy đóng nắp...
9. Quyết định tổ chức ĐHCĐ theo hình thức trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài. Đây là một nỗ lực của Công ty nhằm báo cáo đến Cổ đông kết quả hoạt động trong năm qua.
10. Quyết định chi trả cổ tức cho Cổ đông
11. Thực hiện thay đổi các Quy chế, Điều lệ mới được Đại hội cổ đông thông qua
12. Theo dõi và hiệu chỉnh tiến độ cổ phiếu lên sàn UPCOM
13. Tổng kết sơ bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, tiến hành kiểm toán Công ty
14. Triển khai ký kết hợp đồng kinh doanh với các khách hàng cho năm 2022
15. Tổng thu nhập và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021: *(làm tròn số)*
 - Tiền lương, phụ cấp : 3,255,000,000 đồng
 - Thù lao : 739,400,000 đồng
 - Tổng cộng : 3,995,000,000 đồng

(Xem chi tiết báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021)

16. Báo cáo về giao dịch doanh thu phát sinh giữa Công ty với các thành viên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Doanh thu phát sinh
Công ty CP Dược phẩm Mặt Trời	Liên quan đến phó TGĐ	58.002.725.125
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn (*)	Liên quan đến TGĐ	42.146.260.139
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn (**)	Liên quan đến TGĐ	0
Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm	Liên quan đến phó TGĐ	23.177.398.907
Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Liên quan thành viên BKS	408.109.905
Công ty TNHH Califarco USA	Liên quan thành viên BKS	475.052.164
Tổng cộng		124.209.546.240

() Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn không còn là bên liên quan TGĐ từ ngày 22.04.2021*

*(**) Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn không còn là bên liên quan TGĐ từ ngày 01.01.2021*

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021

II/ KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2021:

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Năm 2021 là một năm thật sự khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Sản xuất Dược phẩm bị ảnh hưởng rõ rệt, gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên, vật liệu đầu vào, gây đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tháng 7,8,9 phải thu hẹp sản xuất kinh doanh khi hoạt động 03 tại chỗ theo chỉ thị của UBND Thành phố, làm giảm năng suất, tăng thêm nhiều chi phí
- Tuy nhiên với chỉ đạo sát sao và kịp thời của HĐQT, cũng như nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của ban điều hành và CBNV, Công ty đã vượt qua khó khăn do hoàn cảnh dịch bệnh để hoàn thành chỉ tiêu một cách rất thuyết phục.
- Kết quả số liệu năm 2021:
 - o Doanh thu: 405.122. 000.000 đồng đạt 101% so với kế hoạch
 - o Lợi nhuận trước thuế: 21.919.000.000 đồng đạt 100% so với kế hoạch
 - o Lợi nhuận sau thuế: 17.494.000.000 đồng đạt 100% so với kế hoạch
 - o Cổ tức chia: 5 % thấp hơn so với kế hoạch (8%). Lý do HĐQT thống nhất giữ lại một phần để tái đầu tư mua đất xây dựng nhà máy mới

P/S: Các số liệu báo cáo trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn Chuẩn Việt là Công ty đã được ĐHCĐ thông qua chọn kiểm toán.

2. Về việc mua sắm máy móc thiết bị:

- Trong năm 2021 HĐQT với một quyết định quan trọng mang tính đột phá để thay đổi từng bước, nâng cao chất lượng cũng như hình ảnh nhà máy Uspharma. HĐQT đã quyết định đầu tư cải tiến máy móc theo tiêu chuẩn cao, công nghệ mới, hiện đại hóa nhằm nâng cao năng suất, giảm thiểu chi phí. Giai đoạn đầu trang bị một số máy với tổng giá trị gần 33 tỷ đồng, cụ thể:
 - o Máy ép vỉ đóng hộp tự động B300 -TC 120 (dàn máy online)
 - o Máy ép vỉ xé P250
 - o Máy đếm viên tự động
 - o Máy đóng nắp tự động

3. Nhà máy đã tái xét GMP thành công: Trong năm 2021 nhà máy đã tái xét thành công

- Phân xưởng NonBetalactam
- Phân xưởng Cephalosporin
- Phân xưởng Thực phẩm BVSK

- 4. Các Quy chế:** Trong năm 2021 Công ty đã điều chỉnh Điều lệ và ban hành thực hiện nghiêm các Quy chế hoạt động đã được Đại hội Cổ đông năm 2021 thông qua
- Quy chế hoạt động của HĐQT
 - Quy chế hoạt động của BKS
 - Quy chế quản trị nội bộ Công ty
- 5. Về cơ cấu vốn và tỷ lệ Cổ đông:** Cơ cấu tỷ lệ Cổ đông sở hữu đến 31/12/2021 của Công ty CP US Pharma như sau:
- Vốn điều lệ: 175 tỷ đồng tương ứng 17.500.000 cổ phần phổ thông
 - Số lượng cổ đông: 890 cổ đông
 - Cổ đông là cá nhân trong nước: Sở hữu 17.433.420 (chiếm tỷ lệ 99,62 %)
 - Cổ đông là cá nhân nước ngoài: Sở hữu 65.870 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,38 %)
 - Cổ đông là tổ chức: 710 cổ phần
 - Cổ đông lớn (có số lượng sở hữu trên 5%): có 04 người, cả 04 người hiện đang là thành viên HĐQT:
 - o Ông Trần Thiện Văn: Sở hữu 5.411.312 cổ phần (chiếm tỷ lệ 30,92%)
 - o Ông Lê Hoàng Rin: Sở hữu 1.768.911 cổ phần (chiếm tỷ lệ 10,10%)
 - o Bà Phan Thị Hồng Liên: Sở hữu 882.113 cổ phần (chiếm tỷ lệ 5,04%)
 - o Ông Trần Cung: Sở hữu 875.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 5%)

III/ CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ TRONG CÔNG TY:

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý, thường xuyên và liên tục làm việc tại nhà máy, họp giao ban với Ban điều hành hàng tháng nhằm giám sát chặt chẽ, kiểm tra đôn đốc thực hiện tốt nhiệm vụ theo sát kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Kết quả giám sát như sau:

1. Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Đã thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đề ra.
2. Đối với các cán bộ quản lý các Phòng ban, phân xưởng đều thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ đã được phân công.
3. Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý trong Công ty đã có rất nhiều cố gắng và nỗ lực để thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông đề ra năm 2021

IV/ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022:

- Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đạt hiệu quả cao mà Đại hội Cổ đông đã thông qua.
- Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật có liên quan.

1. Về chỉ tiêu kế hoạch:

Năm 2022 với diễn biến thị trường, bình thường hóa cuộc sống, xem như sống chung với dịch bệnh. Công ty sẽ đẩy mạnh tăng tốc cho hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT cùng Ban điều hành đưa ra chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 như sau:

- Doanh thu: 430.300.000.000 đồng tăng 7,5% so với năm 2021
- Lợi nhuận trước thuế: 28.494.000.000 đồng tăng 31,9% so với năm 2021
- Lợi nhuận sau thuế: 22.795.000.000 đồng tăng 35% so với năm 2021
- Cổ tức dự kiến: 8-10 %

2. Về cơ cấu tổ chức và quản lý nhân sự:

- Tiếp tục chỉ đạo việc sắp xếp lại nhân sự, lao động theo hướng tinh gọn, có hiệu quả.
- Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực chuyên môn GMP, GSP, GDP. Cải tiến hình thức làm việc trực tuyến hoặc trực tiếp để phù hợp với tình hình dịch bệnh
- Thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời cũng chỉ đạo Tổng giám đốc chấn chỉnh thay thế những cán bộ yếu kém, tinh thần làm việc trì trệ, không hoàn thành nhiệm vụ đã được phân công.

3. Về sản xuất kinh doanh:

- Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành sản phẩm, xem xét cơ cấu lại các mặt hàng phân phối có lợi nhuận cao cho Công ty.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu US Pharma USA thông qua phát triển kênh phân phối trên toàn quốc, đẩy mạnh công tác đấu thầu và xuất khẩu thuốc.
- Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 một số máy móc đổi mới công nghệ sản xuất phù hợp từng dây chuyền nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, quản lý tốt
- Tiếp tục nghiên cứu phương án mua đất xây dựng nhà máy mới, cải tạo nâng cấp nhà máy cũ thêm nhiều phân khu chức năng.

4. Về tài chính:

- Nâng cao năng lực tài chính, giám sát chặt chẽ công nợ đảm bảo vòng quay vốn phù hợp đạt hiệu quả cao, khả năng thanh khoản tốt
- Song song với việc đã sang nhượng hoàn tất giấy tờ nhà máy từ Công ty CPDP Cần Giờ sang Uspharma, kết hợp đầu tư các loại máy móc mới hiện đại....Công ty sẽ tiến hành khấu hao tài sản hàng năm sao cho vẫn đảm bảo lợi nhuận đem lại cổ tức cho Cổ đông

5. Về quan hệ Cổ đông:

- Chỉ đạo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng.
- Hoàn thành mục tiêu đưa cổ phiếu USP giao dịch trên sàn Upcom (đến hôm nay chúng ta đã nộp hồ sơ lên Ủy ban chứng khoán. Đang thẩm định)
- Cam kết chi trả cổ tức năm 2021 cho Cổ đông theo đúng luật định

Trên đây là toàn bộ báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ HOÀNG RIN

TP, Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

I. TỔNG QUAN NGÀNH DƯỢC NĂM 2021:

- (Theo SSI research), Năm 2021 vừa qua, doanh thu ngành dược phẩm giảm sút do giãn cách xã hội kéo dài trong đợt bùng dịch thứ 3 và thứ 4 tại Việt Nam. Ước tính tổng doanh thu của ngành dược phẩm Việt Nam cả năm giảm 6% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ các cửa hàng thuốc bán lẻ chỉ tăng 2% và tại kênh bệnh viện giảm 14%.

- Theo ước tính, doanh thu năm 2021 của các công ty chăm sóc sức khỏe niêm yết trong nước đạt 14.800 tỷ đồng, giảm 1,8% so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận ròng đạt 2.030 tỷ đồng, tăng 10,5%. Bức tranh kinh doanh của ngành dược năm 2021 do đó cũng có sự phân hóa rất rõ nét với chỉ khoảng 50% doanh nghiệp có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận so với năm 2020.

- Việc áp dụng giãn cách xã hội nghiêm ngặt tại các tỉnh thành, đặc biệt là khu vực miền Nam đã làm gián đoạn hoạt động cung ứng và phân phối của các công ty dược phẩm. Còn các bệnh viện bị buộc phải chuyển đổi thành trung tâm điều trị COVID, khiến doanh thu đầu thầu thuốc giảm mạnh, trong khi kênh bệnh viện hiện chiếm tới hơn 60% nhu cầu dược phẩm. Bên cạnh đó, các đơn vị chăm sóc đặc biệt (ICU) thường xuyên trong tình trạng quá tải, còn các bệnh nhân COVID hầu hết đang phải miễn phí điều trị hoặc tính mức phí tương đối thấp.

- Thuốc nhập khẩu vẫn chiếm ưu thế trên thị trường, tăng nhẹ từ mức 56% năm 2020 lên 58% năm 2021 bởi nguồn cung thuốc nội địa hầu như không tăng thêm vì tiến độ đình trệ của nhiều nhà máy sản xuất trong nước cùng với nhu cầu gia tăng đối với thuốc đặc trị từ các công ty thuốc nước ngoài.

Theo Tổng Cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm về Việt Nam năm 2021 đạt hơn 4 tỷ USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ. Thị trường cung cấp dược phẩm khá phong phú,

trong đó các doanh nghiệp nhập khẩu nhiều từ Đức, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Bỉ, Ấn Độ, ... Kim ngạch nhập khẩu nguyên phụ liệu dược phẩm đạt 419 triệu USD, tăng 1,7% so với năm trước. Tiến độ hợp tác giữa các doanh nghiệp dược phẩm Việt Nam và các đối tác nước ngoài tiếp tục bị trì hoãn bởi việc hạn chế di chuyển, cản trở tiến độ đánh giá nhà máy đạt tiêu chuẩn cao và xét duyệt quá trình chuyển giao công nghệ.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC 2021:

1. Các chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính	TH 2020	KH 2021	TH 2021	% tăng (giảm) TH 2021/2020	% tăng (giảm) TH 2021/KH 2020
Doanh thu thuần (Triệu VNĐ)	405,122	400,000	400,059	-1.25%	0.01%
Lợi nhuận trước thuế (Triệu VNĐ)	27,037	21,166	21,919	-18.93%	3.56%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu VNĐ)	21,611	16,897	17,494	-19.05%	3.53%
Cổ tức chi trả (%)	10%	6% - 8%	5%	-50.00%	
Tổng số lao động BQ (người)	354		344	-2.69%	
Thu nhập lương BQ (Triệu/tháng)	13,1		13,65		4.20%
% EBITDA/Doanh thu	10.4%		12.8%	23.8%	
<i>* Bảng thống kê 1</i>					

- Doanh thu thuần thực hiện trong năm 2021 đạt hơn 400 tỷ, giảm -1.25% so với năm 2020 và bám sát mục tiêu kế hoạch xây dựng từ đầu năm.

- Doanh thu năm 2021 đi ngang nhưng tỷ lệ lợi nhuận trước thuế giảm -18.93% (tương ứng -5.118 tỷ) so với năm 2020 là do:

- + Tăng 12,68 tỷ chi phí trích khấu hao nhà máy mua từ công ty CP Dược Phẩm Cần Giờ
- + Chi phí lãi vay tăng 1,97 tỷ.

- Tuy nhiên, loại bỏ ảnh hưởng của khấu hao và lãi vay, Chỉ số đo lường hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là “Lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay” trên doanh thu (EBITDA/Doanh thu) năm 2021 hoạt động hiệu quả hơn năm 2020 với mức tăng 23.8%.

- Tổng số lao động bình quân năm 2021 giảm -2.69% so với năm 2020 (354 người/344 người), Tuy công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19 nhưng thu nhập bình quân người lao động trong năm 2021 tăng so năm 2020 hơn 4%.

- Cổ tức dự kiến chi trả trong năm 2021 là 5% trên tổng vốn điều lệ, giảm -50% so với cùng kỳ năm 2020 (10%). Phần lợi nhuận sau thuế còn lại tạm thời chưa chia cổ tức sẽ bổ sung vào nguồn vốn sản xuất kinh doanh và dùng vốn đối ứng để đầu tư tài sản cố định trong năm tiếp theo.

- Đại dịch Covid 19 với những diễn biến phức tạp, khó kiểm soát đã tác động nặng nề đến tất cả các nền kinh tế trên toàn thế giới. Bằng sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết, nhất trí của HĐQT, Ban điều hành và toàn bộ tập thể nhân viên Công ty US Pharma USA đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 được ĐHCĐ giao, xây dựng nền tảng vững chắc để công ty tiến xa hơn trong tương lai.

2. Các chỉ tiêu sản lượng:

<i>* Bảng thống kê 2</i>							<i>Dvt: Triệu đvsp</i>	
Phân xưởng/loại sản phẩm	Năm 2020			Năm 2021			% Tăng (giảm) nhập kho 2021/2020	% Tăng (giảm) bán ra 2021/2020
	Số lượng nhập kho	Số lượng bán ra	Chênh lệch	Số lượng nhập kho	Số lượng bán ra	Chênh lệch		
Cephalosporine	113.5	120.7	-7.2	96.0	99.7	-3.7	-15.43%	-17.41%
- Thuốc	113.5	120.7	-7.2	96.0	99.7	-3.7	-15.43%	-17.41%
Nonbetalactam	515.9	522.8	-7.0	568.0	587.0	-19.0	10.11%	12.27%
- TP.BVSK	100.9	105.2	-4.4	113.8	115.9	-2.1	12.79%	10.12%
- Thuốc	415.0	417.6	-2.6	454.3	471.1	-16.9	9.46%	12.82%
Tổng cộng	629.4	643.5	-14.1	664.0	686.7	-22.7	5.50%	6.71%
Trị giá doanh số ước tính (tỷ)	400.6	405.3	-4.7	379.6	400.1	-20.5		

- Trong năm 2021 tình hình sản lượng nhập kho và bán hàng có sự chênh lệch thâm hụt sản lượng, sản xuất không kịp cho nhu cầu bán hàng. Nguyên nhân chính là công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 của chính phủ áp dụng làm việc theo hình thức “3 tại chỗ” với số lượng nhân sự cho phép đăng ký làm việc không quá 30% trên tổng lao động đã làm cho năng suất sản xuất của nhà máy cũng giảm đi tương ứng.

- Năm 2021, sản lượng sản xuất nhập kho ít hơn so với sản lượng bán ra là 22.7 triệu (đvsp) tương ứng doanh thu khoảng 20.5 tỷ.

- So sánh sản lượng cùng kỳ thì tổng sản lượng nhập kho và bán ra năm 2021 tăng so với năm 2020 tương ứng 5.5% và 6.71%, đây là nỗ lực rất lớn và đáng ghi nhận của toàn thể cán bộ CNV công ty trong giai đoạn Covid 19 đầy khó khăn.

- Phân loại thuốc theo phân xưởng thì sản lượng bán ra tại phân xưởng thuốc kháng sinh Cephalosporin năm 2021 giảm -17.41% so với cùng kỳ năm 2020, ngược lại phân xưởng Non-Betalactam và phân xưởng thực phẩm vệ sức khỏe (TP.BVSK) có sản lượng bán ra tăng 12.27%.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng theo hai phân xưởng:

<i>* Bảng thống kê 3</i>					<i>Đvt: Tỷ đồng</i>
Phân xưởng/ loại sản phẩm	Năm 2020	Tỷ trọng %	Năm 2021	Tỷ trọng %	% Tăng trưởng 2021/2020
Cephalosporine	203.37	50.2%	165.95	41.5%	-18.40%
Thuốc	203.37		165.95		-18.40%
Nonbetalactam	201.88	49.8%	234.16	58.5%	15.99%
TP.BVSK	38.89		43.24		11.18%
Thuốc	162.99		190.92		17.14%
Tổng cộng	405.26	100%	400.11	100%	-1.27%

- Tỷ trọng doanh thu bán hàng của phân xưởng Cephalosporin (thuốc kháng sinh) và Phân xưởng Non-Betalactam năm 2021 có sự chuyển dịch so với năm 2020, sản phẩm bán ra tại phân xưởng Cephalosporin giảm 18.4% và phân xưởng Non-Betalactam tăng 15.99%.

- Các sản phẩm của phân xưởng Cephalosporin có trị giá cao hơn phân xưởng Non-Betalactam rất nhiều nên sự dịch chuyển cơ cấu cũng là nguyên nhân làm doanh thu năm 2021 giảm so với năm 2020 là 1.27%.

2. Công tác nhập mua hàng hóa:

<i>* Bảng thống kê 04</i>				<i>Đvt: Triệu đồng</i>
Phân loại hàng hóa	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng	% tăng trưởng
Bao bì đóng gói các loại	61,164	51,913	-9,252	-15.13%
Hóa chất kiểm nghiệm các loại	924	614	-309	-33.48%
Nguyên liệu, tá dược các loại	248,641	185,042	-63,600	-25.58%
Tổng cộng	310,730	237,775	-72,954	-23.48%

- Năm 2021 thị trường nguyên liệu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính là hệ quả của đại dịch Covid 19 và nguyên nhân nội tại của các nước xuất khẩu lớn trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, ...

- Đối với thị trường Trung Quốc, chính sách “Zero Covid” tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều nhà máy, nhiều cơ sở bị yêu cầu ngừng hoặc hạn chế công suất để giảm thiểu tác động môi trường cũng như phục vụ cho Olympic Mùa đông Bắc Kinh 2022. Chính những nhân tố trên làm thiếu hụt nguồn cung trên thị trường, trực tiếp đẩy giá cả nguyên liệu tăng cao.

- Đối với thị trường Ấn Độ ngoài tác động bởi dịch bệnh Covid 19 tác động đến hoạt động sản xuất, chuỗi cung ứng còn chịu tác động rất lớn bởi khủng hoảng thiếu hụt Container rỗng, chi vận chuyển tăng cao (*tăng từ 2 đến 3 lần*).

- Với những tác động trên, thị trường nguyên liệu ngành dược phẩm ảnh hưởng nặng nề trong suốt năm 2021 và các năm tới. Hầu hết nguyên liệu đầu vào đều có xu hướng tăng giá, cá biệt có nguyên liệu, tá dược tăng trên 50% làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhằm thích ứng tình hình biến động thị trường nguyên liệu, ban lãnh đạo công ty đã đưa ra chính sách dự trữ hàng linh hoạt, chủ động thường xuyên cập nhật theo dõi biến động của thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro biến động, hạn chế ảnh hưởng của giá thành sản phẩm.

- Trị giá nguyên liệu, tá dược, bao bì, hóa chất mua vào năm 2021 giảm so với 2020 là - 73 tỷ (tương ứng - 23.48%). Công ty sử dụng nguyên liệu dự trữ tồn kho các năm trước để sử dụng sản xuất trong năm 2021. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 vẫn duy trì theo mục tiêu đề ra.

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Công tác quản lý điều hành:

- Kiểm soát dịch bệnh Covid 19 và tổ chức sản xuất kinh doanh trong giai đoạn “3 tại chỗ”: Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo kịp thời các nội dung trong công tác phòng chống dịch Covid 19 nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh. Trong giai đoạn sản xuất “3 tại chỗ” đã ban hành những chính sách hỗ trợ đầy đủ và kịp thời, đảm bảo sức khỏe cho toàn bộ cán bộ công nhân viên an tâm sản xuất.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 và tạo tiền đề cho năm 2022.

- Công tác chỉ đạo sản xuất luôn bám sát theo kế hoạch doanh thu xây dựng từ đầu năm. Đã xử lý và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất một cách triệt để và khoa học. Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý để giảm giá thành sản xuất tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

2. Công tác quản lý tài chính:

Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện về công tác quản lý tài chính của Công ty, cụ thể:

- Chủ động cân đối sử dụng vốn linh hoạt đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn.

- Quản lý vốn hiệu quả, xoay vòng vốn nhanh hơn, giảm vốn bị chiếm dụng.

- Triển khai hệ thống báo cáo quản trị các thông tin tài chính, sản xuất được rõ nét hơn tới từng bộ phận từng sản phẩm để ban điều hành nhìn rõ hơn được các vấn đề trong sản xuất kinh doanh để có điều chỉnh kịp thời.

- Quản lý sát sao công nợ khách hàng phân ra từng nhóm cụ thể để có phương án xử lý riêng đồng thời cũng có cơ sở để xem xét các hạn mức tài chính cho từng khách hàng để giảm rủi ro nợ xấu.

3. Công tác đầu tư:

- Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được phát huy hết công suất, luôn trong tình trạng quá tải, mặt khác nhiều thiết bị đã cũ, do vậy xảy ra rất nhiều sự cố nhưng công tác bảo dưỡng sửa chữa. Bộ phận sửa chữa cơ điện đã nỗ lực và kịp thời sửa chữa sớm khắc phục các tình huống hư hỏng đột xuất, đảm bảo phục vụ yêu cầu khai thác thiết bị của sản xuất. Đề nghị sẽ dần dần đầu tư thay thế mới các máy móc đã cũ, hỏng, lỗi thời như: máy ép vỉ, máy vô hộp, máy đếm viên, máy dán nhãn, máy ép vỉ xé, máy đóng nang...

- Đặt biệt cuối năm 2021, công ty đã đầu tư và đưa vào vận hành dây chuyền máy ép vỉ - đóng hộp tự động B300 – TC120 tại phân xưởng Non-betalactam trị giá 19,77 tỷ đồng với công suất thiết kế 1.000.000 sản phẩm/ngày/2 CA, năng suất bình quân đạt khoảng 21 triệu sản phẩm/tháng. Máy ép vỉ online B300 đáp ứng nhu cầu sản xuất các nhóm mặt hàng có

đơn hàng số lượng lớn và tiết kiệm được nhân công sản xuất, làm tiền đề bứt phá sản xuất mạnh mẽ cho năm 2022.

4. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm:

- Công tác đăng ký thuốc và thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TP.BVSK). Trong năm 2021 công ty đã được cấp:

- + 16 số đăng ký sản phẩm thuốc, 19 số đăng ký sản phẩm TP.BVSK.
- + Hồ sơ đăng ký Visa mới đã nộp cho Cục quản lý dược (CQLD) là 67 bộ
- + Hồ sơ đăng ký thay đổi Visa thuốc 179 bộ.
- + Hồ sơ bổ sung công văn 288 bộ.
- + Hồ sơ xin gia hạn số đăng ký 12 tháng và 5 năm là 278 bộ.

- Công tác thẩm định thuốc: Trong năm 2021 công ty đã tiến hành khảo sát và thẩm định 455 mẫu thuốc và TP.BVSK, tăng 45 mẫu so với năm 2020.

- Công tác nghiên cứu sản phẩm mới: Trong năm 2021 công ty đã triển khai đưa vào sản xuất 41 sản phẩm mới, trong đó 11 sản phẩm nghiên cứu mới và 30 sản phẩm thay đổi công thức và quy trình sản xuất.

5. Công tác tái thẩm định cấp GMP nhà máy và quản lý chất lượng trong năm 2021:

- Công tác tái cấp chứng nhận GMP: Trong năm 2021 trong ty đã được Cục An toàn Thực phẩm tái cấp giấy chứng nhận đáp ứng GMP phân xưởng TP.BVSK, công ty cũng đã nộp và hoàn thiện hồ sơ khắc phục cho việc đánh giá GMP toàn nhà máy.

- Công tác quản lý chất lượng: Trong năm 2021 bộ phận quản lý chất lượng đã ban hành, soát xét lại các quy trình thao tác chuẩn (SOP), thủ tục, đề cương khoảng 626 bộ.

- Kiểm tra hồ sơ lô sản phẩm thuốc và TP.BVSK là 3,401 bộ; Ban hành, biên soạn và kiểm soát hồ sơ lệnh của thuốc và TP.BVSK trong quá trình sản xuất là 3,318 bộ.

- Kiểm tra hồ sơ bao bì đóng gói thuốc và TP.BVSK khoảng 127 bộ các loại hộp, chai, vỉ, toa.

- Hàng năm, công ty đã thực hiện việc đào tạo GMP và kiểm tra đối với tất cả nhân viên nhà máy.

6. Công tác tổ chức thực hiện chế độ chính sách cho người lao động:

- Công tác tổ chức nhân sự: Năm 2021 với nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp. Trong thời gian giãn cách xã hội công ty phải bố trí nhân sự làm việc luân

phiên, giãn cách, làm việc online hoặc làm việc “ba tại chỗ” để đảm bảo nhu cầu sản xuất cho thị trường và đảm bảo an toàn, sức khỏe của cán bộ công nhân viên.

- Đề ổn định tâm lý người lao động, giúp cán bộ CNV an tâm hơn khi tham gia sản xuất, toàn bộ CBCNV đều đã tiêm đủ 3 mũi vắc xin ngừa Covid 19. Đồng thời công ty cũng chú trọng hơn đến sức khỏe của người lao động thông qua tăng cường chất lượng các bữa ăn giàu dinh dưỡng để tăng cường sức đề kháng. Công ty cũng đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình phòng ngừa dịch bệnh để tránh lây lan dịch bệnh để người lao động luôn cảm thấy an tâm, cống hiến hết mình và mang lại giá trị đích thực trong công việc và gắn bó lâu dài với công ty.

- Công tác BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, hưu trí, chấm dứt hợp đồng lao động và các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện công tác chăm lo đời sống tinh thần, vật chất và đảm bảo việc làm thu nhập cho CNV lao động với mức thu nhập bình quân của người lao động đạt được trong năm 2021 là 13,65 triệu đồng/tháng.

- Công ty luôn duy trì và thực hiện đầy đủ các chế độ lương thưởng, đồng thời quan tâm và kịp thời thực hiện điều chỉnh cơ cấu, chính sách lương thưởng theo thỏa ước lao động đã được ký kết, phù hợp với tình hình của doanh nghiệp theo xu thế phát triển và đúng quy định.

V. MỘT SỐ KHÓ KHĂN TỒN TẠI:

Bên cạnh những kết quả trong năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn một số khó khăn cần có biện pháp khắc phục, xử lý:

- Tỷ trọng doanh thu bán hàng các sản phẩm phân xưởng Cephalosporin giảm làm cho doanh số và lợi nhuận giảm mạnh.

- Tỷ trọng doanh thu của kênh hàng thầu bệnh viện (ETC) còn thấp.

- Việc gia hạn sản phẩm sắp hết hạn visa, xin cấp mới số visa còn gặp nhiều khó khăn, chậm trễ do cơ chế chính sách từ Cục Quản Lý Dược. Các sản phẩm sắp hết hạn số visa nếu không được gia hạn kịp thời công ty sẽ cần nguồn tài chính rất lớn để mua nguyên liệu, bao bì dự trữ cho sản xuất đảm bảo mục tiêu doanh thu trong năm 2022.

- Máy móc thiết bị sản xuất đã cũ từ năm 2005 có năng suất thấp hay hỏng hóc, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng làm ảnh hưởng đến năng suất và quy trình sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào lao động chân tay.

- Công tác tuyển dụng nhân sự mới gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khách quan như đại dịch Covid 19, địa bàn làm việc xa trung tâm thành phố, mặt bằng thị trường lương tuyển mới lao động cao so với mức lương của công ty hiện nay ...

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022:

- Năm 2022 là được đánh giá là năm có nhiều thanh đôi khi tỷ lệ người tiêm phòng dịch Covid 19 trên cả nước cao. Tuy nhiên ngay những ngày đầu năm 2022 tỷ lệ người nhiễm Covid 19 với biến chủng mới tăng cao sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh công ty.

- Trong năm 2022 do ảnh hưởng yếu tố đầu vào, ảnh hưởng khủng hoảng năng lượng toàn cầu, hàng loạt nhà cung cấp đã tăng giá và thông báo tăng giá, cụ thể như:

+ *Bao bì trong nước đã tăng giá như PVC tăng 30%, nhôm tăng 10%.*

+ *Nguyên liệu, tá dược sản xuất trong nước: Đường tăng 11%, tinh bột tăng 10%, CBNK tăng 29%.*

+ *Nguyên liệu nhập khẩu kháng sinh, Vitamin cũng đồng loạt tăng giá. Cá biệt có những nguyên liệu tăng hơn 50% như paracetamol (tăng 90%).*

- Ngoài ra ảnh hưởng chiến sự Nga – Ucraina có nguy cơ gây bất ổn nền kinh tế thế giới, giá dầu tăng làm ảnh hưởng kinh tế toàn cầu, nguy cơ lạm phát xảy ra. Nhận thức được những thách thức xảy ra trong năm 2022, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình thực như sau:

- Doanh thu thuần: 430 tỷ.

- Lợi nhuận trước thuế: 28,5 tỷ.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 8-10%.

Chi tiết so sánh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 theo như bảng thống kê 05 bên dưới.

* Bảng thống kê 05			<i>Dvt: Tỷ đồng</i>
Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% tăng trưởng
Doanh thu thuần	400.1	430.0	7.48%
Lợi nhuận trước thuế	21.9	28.5	30.02%
Thuế TNDN	4.4	5.7	28.82%
Lợi nhuận sau thuế	17.5	22.8	30.33%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	5%	8% - 10%	60% - 100%
% Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	5.5%	6.6%	20.97%

II. CÁC CHIẾN LƯỢC TRỌNG TÂM

1. Gia tăng doanh số:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường xây dựng hình ảnh, thương hiệu “US Pharma USA” và thương hiệu các sản phẩm chủ lực.
- Thúc đẩy nghiên cứu các sản phẩm mới, tăng cường danh mục sản phẩm.
- Mở rộng thị phần thông qua các kênh phân phối, gia tăng thêm số lượng khách hàng trung thành và nâng cao hiệu quả bán hàng cũng như công tác phân tích, dự báo thị trường.
- Đầu tư MMTB một cách đồng bộ, nâng cấp dây chuyền sản xuất theo tiêu chuẩn GMP toàn cầu, cụ thể: Máy ép vỉ, máy ép vỉ xé, máy dập viên, máy đóng nang, máy ép gói bột, máy xếp hộp bán tự động, máy trộn hoàn tất, máy bao phim, dây chuyền chiết rót - siết nắp chai siro,..

2. Nâng tỷ lệ lãi gộp:

- Tối ưu hóa chi phí hoạt động, chi phí sản xuất.
- Tối ưu hóa công thức trong công tác nghiên cứu sản phẩm.
- Nâng tỷ trọng doanh thu các mặt hàng chiến lược, rà soát loại bỏ dần các sản phẩm kém hiệu quả.
- Thường xuyên thẩm định nhà cung cấp để lựa chọn nhà cung cấp phù hợp nhằm đảm bảo việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không bị gián đoạn và tiến tới thúc đẩy cải tiến liên tục.

3. Đào tạo và phát triển nhân sự:

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy và mô hình phát triển của công ty bằng các giải pháp tăng cường năng lực quản trị, điều hành và năng lực kinh doanh.

- Huấn luyện, đào tạo cho nhân viên vận hành theo mô hình làm việc mới online, nâng cao công tác báo cáo, thống kê cũng như hoạch định ngân sách thường niên cho từng bộ phận, làm cơ sở cho mục tiêu quản trị chi phí theo bộ phận và đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng ban.

- Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với trình độ chuyên môn cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp và sẵn sàng cho quá trình toàn cầu hóa. Xây dựng lộ trình thăng tiến cho từng vị trí và kiện toàn các nhân sự cấp cao còn thiếu.

- Ứng dụng các công nghệ mới giúp doanh nghiệp có thể cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng với những trải nghiệm và giá trị khác biệt, tối ưu hoá chiến lược quản lý và chuỗi cung ứng, từ đó, gia tăng doanh số hoạt động và phát triển doanh nghiệp.

- Triển khai, xây dựng lại quy trình thao tác chuẩn (SOP) cho toàn bộ phòng ban trong công ty làm cơ sở cho việc triển khai hệ thống lương, thưởng.

4. Phát triển bền vững:

- Trong giai đoạn đại dịch Covid còn diễn biến kéo dài và phức tạp, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng luôn gắn liền với việc quản lý vốn lưu động và khả năng thanh khoản.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống cho từng cán bộ công nhân viên trong công ty. Quan tâm đến sức khỏe người dân, sức khỏe cộng đồng thông qua các hình thức thiện nguyện, các chương trình tài trợ thiết thực.

III. KẾT LUẬN

Năm 2021, Công ty Cổ Phần US Pharma USA đã đạt được nhiều thành tựu trong tổ chức và hoạt động kinh doanh. Bước sang năm 2022, Ban Tổng giám đốc và nhân viên tiếp tục nỗ lực xây dựng US Pharma USA phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ tốt nhất lợi ích của cổ đông và các đối tác.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Tổng giám đốc và kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe và thành công ./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
ĐS. TRẦN THIỆN VĂN

TP, Hồ Chí Minh Ngày 04 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần US Pharma USA
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần US Pharma USA

Ban kiểm soát Công ty cổ phần US Pharma USA (“BKS”) trân trọng trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐ”) năm 2022 kết quả kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

Năm 2021, là năm hết sức khó khăn với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID. Đây là năm thứ hai liên tiếp các doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch bệnh, chuỗi cung ứng nguyên liệu toàn cầu bị đứt gãy, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, thị trường đầu ra bị thu hẹp do giãn cách xã hội. Công ty cổ phần US Pharma USA cũng không là ngoại lệ, nhưng với tinh thần và nhiệt huyết cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và CBCNV đã vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ giao, bảo toàn được vốn của Cổ đông.

Cụ thể:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS :

- Cơ cấu BKS Công ty cổ phần US Pharma USA nhiệm kỳ 2019 – 2023 gồm 3 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Vị trí	Ngày bắt đầu
1	Phan Thị Ánh	Trưởng ban	01/03/2019
2	Huỳnh Công Triết	Thành viên	01/03/2019
3	Khuru Gia Ý	Thành viên	27/06/2020

1. Hoạt động của BKS:

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 đã chủ động trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của BKS cụ thể như sau :

- a) Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị (“*HDQT*”), của Ban Tổng Giám đốc (“*TGD*”)
- b) Phối hợp tham gia cùng HDQT, Ban TGD trong việc rà soát, kiểm tra nội dung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Quy chế, quy định khác của công ty để kịp thời phát hiện, điều chỉnh cập nhật nội dung phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của công ty.
- c) Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành của thành viên HDQT, TGD, những người quản lý, điều hành công ty thông qua phương thức như : Tham gia đầy đủ, tham gia thảo luận tại cuộc họp của ĐHĐCĐ, HDQT và các cuộc họp khác của công ty; Nhận và yêu cầu được nhận đầy đủ các biên bản họp, nghị quyết, quyết định, các tài liệu, hồ sơ khác của ĐHĐCĐ, HDQT, Ban điều hành công ty để thực hiện việc kiểm tra, giám sát.
- d) Thẩm tra các báo cáo tài chính của công ty.
- e) Theo dõi, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HDQT, Ban TGD theo quy định của pháp luật.
- f) Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, BKS đã trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát. Trong năm, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên BKS (đạt tỷ lệ 100%) để thảo luận, xem xét các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát. Tất cả các cuộc họp đều được lập biên bản họp để lưu trữ cùng với các tài liệu liên quan.

2. Hoạt động của thành viên BKS

Trong năm, thành viên BKS thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, công việc được phân công đảm bảo đúng phạm vi, chức năng, quyền hạn; tham dự đầy đủ các cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp của BKS và cuộc họp khác của công ty khi được thông báo mời.

Các thành viên BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS

Trong năm 2021, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua và công ty đã tiến hành chi trả đúng theo đúng quy định. Chi phí này được thể hiện đầy đủ trong thuyết minh của BCTC năm 2021 đã được kiểm toán.

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT, BAN TGD CÔNG TY :

1. Về hoạt động của HDQT

- HDQT đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ của công ty , triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021; không có trường hợp Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ trong năm không được triển khai thực hiện.
- HDQT đã tiến hành họp thường xuyên, thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản, các Nghị quyết và các quyết định đã được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Rà soát việc bổ sung cập nhật Điều lệ công ty, xây dựng các quy chế theo Luật doanh nghiệp 2020 và quy định mới của nhà nước.
 - Hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng hạn.
 - Trong năm 2021, HĐQT đã triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên để thông qua các chủ trương, quyết sách quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Các cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập và tổ chức đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Đặc biệt, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid – 19, HĐQT đã quyết định và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 bằng hình thức trực tuyến, vừa đảm bảo chấp hành tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh nhưng vẫn đảm bảo kế hoạch hoạt động của công ty không bị gián đoạn do các quyết sách quan trọng vẫn được ĐHĐCĐ thông qua kịp thời.
2. Về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc :
- Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc, chặt chẽ quy định pháp luật trong điều hành, quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.
 - Ban TGD đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành công ty.
 - Hoạt động đầu tư, hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của công ty và các vấn đề quan trọng khác đều được Ban TGD báo cáo trình ĐHĐCĐ hoặc trình HĐQT theo thẩm quyền trước khi triển khai thực hiện, đảm bảo các nguyên tắc, trách nhiệm cần trọng, trung thực và tránh xung đột về lợi ích trong hoạt động về lợi ích trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

3. Nhận xét chung

Trong năm 2021, HĐQT, Ban TGD và những người điều hành khác đã tuân thủ đúng quy định pháp luật và điều lệ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao, BKS ghi nhận trong năm qua không phát sinh rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hoạt động công ty.

Đồng thời, BKS không nhận được thông báo nào phản ánh về hành vi vi phạm của người quản lý, điều hành công ty cũng như thông báo/văn bản của cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu BKS thực hiện kiểm tra đột xuất hoạt động công ty.

III. KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY :

Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2021 và BCTC năm 2021 kiểm toán của Công ty đã phản ánh chính xác, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan. Trong BCTC kiểm toán năm 2021 của Công ty không có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối của tổ chức kiểm toán độc lập (VIETVALUES)

Kết quả các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và nguồn vốn của Công ty trong năm 2021 thể hiện trên BCTC như sau:

a) Tài sản và nguồn vốn :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
I	TÀI SẢN	426,388	429,673
1	Tài sản ngắn hạn	227,866	242,857
2	Tài sản dài hạn	198,522	186,815
II	NGUỒN VỐN	426,388	429,673
1	Nợ phải trả	222,890	224,867
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	203,498	204,805

b) Kết quả sản xuất, kinh doanh :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu thuần	400,058	405,122
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,919	27,036
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	17,494	21,611

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021 của Công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong Báo cáo của Ban TGD, HĐQT và BCTC năm 2021 đã kiểm toán gửi theo tài liệu hợp. Qua giám sát, kiểm tra, BKS nhận thấy mặc dù hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh, thiên tai và tính cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng lĩnh vực nhưng với nỗ lực, quyết tâm của tập thể HĐQT, Ban TGD và toàn thể cán bộ, nhân viên, Công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã thông qua.

IV. VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TGD, VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ.

Các bên liên quan với công ty gồm :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dược phẩm Mặt Trời	Công ty liên quan đến phó TGD
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn (*)	Công ty liên quan đến TGD
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn (**)	Công ty liên quan đến TGD

Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm	Công ty liên quan đến phó TGĐ
Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty liên quan TV BKS
Công ty TNHH Califarco USA	Công ty liên quan TV BKS

(*) Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn không còn là bên liên quan TGD từ ngày 22.04.2021

(**) Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn không còn là bên liên quan TGD từ ngày 01.01.2021

Nguồn : BCTC đã kiểm toán năm 2021

Doanh thu phát sinh giữa công ty với các bên liên quan như sau :

ĐVT: Đồng

STT	Bên liên quan	Năm 2021
1	Công ty TNHH Dược phẩm Mặt Trời	58.002.725.125
2	Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn	42.146.260.139
3	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm	23.177.398.907
5	Công ty TNHH Robinson Pharma USA	408.109.905
6	Công ty TNHH Califarco USA	475.052.164
	Cộng	124.209.546.240

Nguồn : BCTC đã kiểm toán năm 2021

V. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

1. BKS đã duy trì tốt mối liên hệ với cổ đông để kịp thời tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cổ đông liên quan đến hoạt động công ty. HĐQT, Ban TGD đã quan tâm thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông; công bố rộng rãi số điện thoại và địa chỉ mail của công ty để theo dõi, tiếp nhận và phản hồi kịp thời các phản ánh của cổ đông. Các câu hỏi, thắc mắc của cổ đông (tại các kỳ họp ĐHĐCĐ, qua điện thoại, thư điện tử,..) đã được công ty trả lời kịp thời, đúng thực tế, đúng trọng tâm vấn đề.
2. BKS đã kiến nghị HĐQT, Ban TGD công bố thông tin kịp thời, theo quy định để cổ đông có thể nắm bắt và cập nhật sớm nhất tình hình công ty.
3. Năm 2021 Ban kiểm soát, HĐQT và Ban tổng giám đốc đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ và liên tục trên nguyên tắc vì lợi ích chung của công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và các quy chế nội bộ.

VI. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thông báo mời họp, chương trình họp, các Báo cáo, Tờ trình của HĐQT, Ban TGD và các tài liệu đại hội khác được ban hành đúng thẩm quyền và được công bố thông tin đúng quy định; nội dung các tài liệu họp đảm bảo chính xác, đầy đủ, phản ánh đúng thực tế của công ty.

VII. KIẾN NGHỊ

- Xây dựng chính sách đảm bảo nguồn hàng ổn định; quản lý và kiểm soát chặt chẽ về công nợ và hàng tồn kho.
- Tăng cường công tác quản trị và dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh;
- Thúc đẩy xuất khẩu để mở rộng thị trường ra nước ngoài, tăng doanh số;
- Xây dựng và có lộ trình đầu tư máy móc cụ thể; Đầu tư mua đất xây dựng nhà máy, mở rộng quy mô sản xuất.
- Kiểm soát tốt hơn nữa chất lượng và giá nguyên liệu đầu vào, xây dựng giá bán linh hoạt.
- Hoàn thành mục tiêu đưa cổ phiếu USP lên sàn UPCOM để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau :

- Giám sát, kiểm tra quá trình triển khai các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hồ sơ sổ sách tài chính kế toán, việc lập và kiểm toán các Báo cáo tài chính của công ty.
- Giám sát, theo dõi công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông của công ty.
- Theo dõi, đề nghị HĐQT, Ban TGD báo cáo kết quả giải quyết , trả lời thắc mắc, phản ánh của cổ đông gửi đến công ty (nếu có) theo quy định pháp luật và điều lệ công ty.

Trên đây là toàn văn Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động trong năm 2022, kính trình ĐHĐCĐ .

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



PHAN THỊ ÁNH

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 01
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021**Kính trình : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần US Pharma USA
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán của Công Ty Cổ Phần US Pharma USA;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT & BKS số 06/2022/BBH/HĐQT-USP ngày 10/05/2022;

Hội đồng Quản trị kính trình báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích lập	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối		17,494,213,023
2	Chia cổ tức năm 2021 (bằng tiền mặt)	5% trên vốn điều lệ	8,750,000,000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế	1,053,261,486
4	Quỹ đầu tư phát triển	25% lợi nhuận sau thuế	4,190,951,537
5	Lợi nhuận chưa phân phối	20% lợi nhuận sau thuế	3,500,000,000
6	Thù lao HĐQT & BKS (được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp)	5% Lợi nhuận sau thuế	874,710,651

*Kính Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.***TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CHỦ TỊCH**Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS

**LÊ HOÀNG RIN**

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 02
THÙ LAO HĐQT & BAN KIỂM SOÁT

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều Lệ Tổ chức, hoạt động Công ty cổ phần US Pharma USA
- Căn cứ Biên Bản Họp HĐQT số 06/2022/BBH/HĐQT-USP ngày 10/05/2022

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông về thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2022 như sau :

Xin trích 5% trên lợi nhuận sau thuế để chi trả thù lao cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát .

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ HOÀNG RIN

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 03

THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần US PHARMA USA;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần US PHARMA USA quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần US PHARMA USA kính trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS

LÊ HOÀNG RIN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 48



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần US Pharma USA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần US Pharma USA được chuyển đổi từ Công ty TNHH US Pharma USA theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0310976553 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc thay đổi hình thức sở hữu vốn từ công ty TNHH sang công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty thành lập Văn phòng đại diện theo Quyết định số 01/QĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, hoạt động theo Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện số 0310976553-001 ngày 22 tháng 9 năm 2020. Người đứng đầu là ông Trần Thế Mạnh – TV.HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ : 175.000.000.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : + 84-(28) 37909118

Fax : + 84-(28) 37908856

3. Văn phòng đại diện

Địa chỉ : 286/4 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : + 84-(28) 38627979

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hóoc môn (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống);
- Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm đặc biệt: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hóoc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng Rin	Chủ tịch	01/10/2020	
Bà Phan Thị Hồng Liên	Phó Chủ tịch	05/3/2019	
Ông Trần Thiện Văn	Thành viên	01/3/2019	
Ông Trần Cung	Thành viên	01/3/2019	
Ông Trần Thế Mạnh	Thành viên	27/6/2020	

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ánh	Trưởng ban	05/3/2019	
Ông Huỳnh Công Triết	Thành viên	05/3/2019	
Bà Khưu Gia Ý	Thành viên	27/6/2020	

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thiện Văn	Tổng Giám đốc	01/10/2020	
Ông Trần Cung	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2020	
Ông Phan Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	04/5/2019	
Ông Trần Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng VPDD	18/9/2020	
Ông Nguyễn Chánh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2011	
Ông Trần Mạnh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	04/01/2021	
Ông Võ Tiến Dũng	Kế toán trưởng	01/8/2011	

6. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Hoàng Rin – chủ tịch Công ty và Ông Trần Thiện Văn – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 48.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021, Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

TM. Hội đồng quản trị



LÊ HOÀNG RIN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2216A/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần US Pharma USA (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần US Pharma USA tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1523-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Bích Diễm - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 4721-2019-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		227.866.762.858	242.857.816.306
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	9.796.933.867	9.961.350.910
111	1. Tiền		9.796.933.867	9.961.350.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.278.701.487	41.595.749.931
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	38.271.124.416	36.727.223.677
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.331.407.287	4.465.650.372
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	676.169.784	402.875.882
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	151.392.958.546	169.577.694.408
141	1. Hàng tồn kho		153.065.959.526	171.656.265.139
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.673.000.980)	(2.078.570.731)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.398.168.958	21.723.021.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	1.654.222.280	24.908.347
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		20.743.946.678	21.698.112.710
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		198.522.600.920	186.815.207.672
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		205.500.000	205.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	205.500.000	205.500.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		111.660.754.172	96.609.707.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	111.660.754.172	96.609.707.672
222	- Nguyên giá		177.673.781.096	142.648.702.368
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.013.026.924)	(46.038.994.696)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		86.656.346.748	90.000.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	86.656.346.748	90.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		426.389.363.778	429.673.023.978



28
NG
HIỆM
N.V.
AN
H

Công ty Cổ phần US Pharma USA

Địa chỉ: Lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

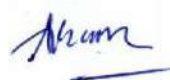
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		222.890.984.117	224.867.712.321
310	I. Nợ ngắn hạn		165.380.925.270	223.116.612.321
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8a	59.560.772.777	127.784.131.321
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	34.654.086.357	30.393.708.419
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.526.061.568	3.625.578.328
314	4. Phải trả người lao động	V.11	21.361.049.691	21.564.301.304
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	899.942.309	1.447.906.419
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	4.264.158.186	2.960.332.613
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14a	39.553.679.135	32.713.963.693
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	3.561.175.247	2.626.690.226
330	II. Nợ dài hạn		57.510.058.847	1.751.100.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.8b	29.155.056.247	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14b	28.355.002.600	1.751.100.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		203.498.379.661	204.805.311.657
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	203.498.379.661	204.805.311.657
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.000.000.000	175.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.000.000.000	175.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.196.430.000	6.196.430.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.807.736.636	1.997.431.442
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.494.213.025	21.611.450.215
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		17.494.213.025	21.611.450.215
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		426.389.363.778	429.673.023.978

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người lập biểu



PHẠM NGỌC ANH

Kế toán trưởng



VÕ TIÊN DŨNG

Tổng Giám đốc



TRẦN THIÊN VĂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	400.194.413.355	405.368.743.440
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	135.857.249	246.379.432
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		400.058.556.106	405.122.364.008
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	305.296.647.940	309.012.702.718
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.761.908.166	96.109.661.290
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	215.274.247	402.106.947
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	4.032.377.161	2.192.726.869
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.997.042.651	2.025.603.994
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	5.311.328.912	3.077.772.461
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	64.006.032.630	64.377.840.369
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.627.443.710	26.863.428.538
31	11. Thu nhập khác	VI.8	316.453.821	267.395.925
32	12. Chi phí khác	VI.9	24.880.752	94.011.694
40	13. Lợi nhuận khác		291.573.069	173.384.231
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.919.016.779	27.036.812.769
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	4.424.803.754	5.425.362.554
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.494.213.025	21.611.450.215
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.11a	939	1.161
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.11b	939	1.161

Người lập biểu



PHẠM NGỌC ANH

Kế toán trưởng



VÕ TIÊN DUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tổng Giám đốc



TRẦN THIÊN VĂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.919.016.779	27.036.812.769
	2. Điều chỉnh cho các khoản		23.681.604.027	12.569.472.063
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.7	20.399.095.862	10.411.942.370
03	- Các khoản dự phòng	V.5	(405.569.751)	367.178.869
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(165.487.476)	(43.218.121)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(143.477.259)	(192.035.049)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	3.997.042.651	2.025.603.994
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.600.620.806	39.606.284.832
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.728.785.524	(35.259.387.303)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.5	18.590.305.613	(44.335.313.195)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(14.210.515.961)	75.536.810.166
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.6	1.714.339.319	1.220.630.457
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.997.042.651)	(2.025.603.994)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(6.961.386.804)	(6.874.054.474)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(366.660.000)	(1.322.548.908)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.098.445.846	26.546.817.581
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.7	(59.580.169.061)	(40.911.543.753)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		229.025.000	262.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	5.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.452.261	191.765.951
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(59.336.691.800)	(35.457.777.802)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14a	164.368.509.375	121.390.474.098
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14a	(130.924.891.333)	(102.055.655.405)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.13-V.16	(16.370.002.314)	(17.382.088.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		17.073.615.728	1.952.730.093
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(164.630.226)	(6.958.230.128)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.961.350.910	16.917.354.497
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		213.183	2.226.541
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	9.796.933.867	9.961.350.910

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Anh

Võ Tiên Dung

PHẠM NGỌC ANH

VÕ TIÊN DUNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Tổng Giám đốc



TRẦN THIÊN VĂN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần US Pharma USA (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần US Pharma USA là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hóoc môn (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống);
- Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm đặc biệt: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hóoc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty không có các đặc điểm hoạt động ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 342 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 325 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng (được cấp Quyền sử dụng đất). Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (27 năm).

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Quỹ lương

Lương được trả theo Hợp đồng lao động và năng suất lao động dựa vào Lợi nhuận đạt được của Công ty.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm chủ yếu là thuốc, hoá liệu và dược liệu.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay,.... Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

22. Số liệu so sánh

Một vài chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 12 năm 2021, chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.050	1.161	111
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.050	1.161	111

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	1.603.379.663	643.322.068
1.2	Tiền gửi ngân hàng	8.193.554.204	9.318.028.842
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	Cộng	9.796.933.867	9.961.350.910

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa, cầm cố.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.856.671.552	19.489.453.206
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn - Công ty liên quan của TGD ⁽¹⁾	-	9.661.947.516
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn - Công ty liên quan của TGD ⁽²⁾	-	7.930.512.053
Công ty Cổ phần Dược phẩm Mặt trời - Công ty liên quan của P.TGD	10.589.495.106	5.704.553.234
Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm - Công ty liên quan của P.TGD	1.267.176.446	1.896.993.637
Phải thu các khách hàng khác	26.414.452.864	17.237.770.471
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn ⁽¹⁾	4.286.822.767	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn ⁽²⁾	10.697.180.120	-
Các khách hàng khác	11.430.449.977	17.237.770.471
Cộng	38.271.124.416	36.727.223.677

⁽¹⁾ Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn không còn là bên liên quan của TGD từ ngày 22 tháng 4 năm 2021.

⁽²⁾ Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn không còn là bên liên quan của TGD từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dược phẩm Huy Văn		
Bán hàng hoá	91.295.511.550	72.590.367.122
Thu tiền bán hàng	96.111.517.074	66.469.411.152

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty CP Dược phẩm Thiên Văn</i>		
Bán hàng hoá	35.143.155.039	39.986.026.926
Thu tiền bán hàng	32.376.486.972	43.729.522.651

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các nhà cung cấp khác</i>	5.331.407.287	4.465.650.372
Công ty CP TM - DV – Du lịch Kim Phong	1.145.346.000	346.500.000
Công Ty TNHH Cơ Khí Dược Tiến Thắng	852.500.000	1.822.100.000
Công Ty TNHH Thiết bị New Diamond	684.651.000	-
Công Ty Cổ Phần TELAVIE Việt Nam	657.600.000	-
Công Ty CỔ PHẦN DFURNI	651.400.200	-
Công Ty TNHH Red Horse Việt Nam	541.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	798.710.087	2.297.050.372
Cộng	5.331.407.287	4.465.650.372

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	676.169.784	-	402.875.882	-
Ký cược, ký quỹ	150.130.269	-	141.111.962	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Củ Chi	62.088.844	-	136.454.854	-
- Công ty CP TM Cơ Khí Tân Thanh	60.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	27.541.425	-	4.657.108	-
Tạm ứng	526.539.515	-	144.763.920	-
- Cao Minh Thịnh	126.178.275	-	-	-
- Nguyễn Văn Tâm	87.930.877	-	3.930.879	-
- Các đối tượng khác	312.430.363	-	140.833.041	-
Phải thu khác	-	-	117.000.000	-
Cộng	676.169.784	-	402.875.882	-

Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác dùng để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

4b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	180.000.000	-	180.000.000	-
Trần Thiện Văn – TGD	180.000.000	-	180.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	25.500.000	-	25.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	25.500.000	-	25.500.000	-
- Nguyễn Văn Bình	20.000.000	-	20.000.000	-
- Các đối tượng khác	5.500.000	-	5.500.000	-
Cộng	205.500.000	-	205.500.000	-

Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác dùng để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

5. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	121.541.093.230	(1.629.834.762)	79.295.456.397	(2.078.570.731)
Công cụ, dụng cụ	517.581.820	(30.200.000)	74.400.000	-
Chi phí SXKD dở dang	7.988.563.960	-	57.008.171.042	-
Thành phẩm	23.018.720.516	(12.966.218)	35.275.453.700	-
Hàng hóa	-	-	2.784.000	-
Cộng	153.065.959.526	(1.673.000.980)	171.656.265.139	(2.078.570.731)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	236.533.831	1.390.616.079
Bao bì	1.393.300.931	687.954.652
Công cụ, dụng cụ	30.200.000	-
Thành phẩm	12.966.218	-
Cộng	1.673.000.980	2.078.570.731

Tất cả hàng tồn kho cuối năm được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Kỳ Đồng (xem thuyết minh V.14).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.078.570.731)	(1.711.391.862)
Trích lập dự phòng	(1.673.000.980)	(2.078.570.731)
Hoàn nhập dự phòng	2.078.570.731	1.711.391.862
Số cuối năm	(1.673.000.980)	(2.078.570.731)

6. Chi phí trả trước

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	216.152.477	24.908.347
Hệ thống truyền dẫn báo cháy	424.639.586	-
Chi phí sửa chữa	489.203.261	-
Chi phí trả trước khác	524.226.956	-
Cộng	1.654.222.280	24.908.347

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.908.347	1.245.538.804
Tăng trong năm	3.301.448.886	3.439.088.330
Phân bổ trong năm	(1.672.134.953)	(4.659.718.787)
Số cuối năm	1.654.222.280	24.908.347

6b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất (*)	86.656.346.749	90.000.000.000
Cộng	86.656.346.749	90.000.000.000

(*) Là chi phí thuê đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 23 tháng 12 năm 2020 với Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ. Cụ thể nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số: 316, tờ bản đồ số: 20BĐC, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Lô B1-10 đường số D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM, diện tích: 10.100,1 m², mục đích sử dụng: Đất Khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đến ngày 11 tháng 11 năm 2047 (Nguồn gốc sử dụng: thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu Công Nghiệp - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi). Biên bản bàn giao tài sản ngày 24/12/2020 đến ngày 31/12/2020. Và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 399017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp ngày 25 tháng 5 năm 2011, Công ty đang làm thủ tục chuyển quyền ở hữu cho Công ty.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	90.000.000.000	-
Tăng trong năm	-	90.000.000.000
Phân bổ trong năm	(3.343.653.252)	-
Số cuối năm	86.656.346.749	90.000.000.000

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Kỳ Đồng (xem thuyết minh mục V.14).

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	72.966.363.636	65.564.044.187	3.911.294.545	207.000.000	142.648.702.368
2. Tăng trong năm	-	29.609.791.454	5.940.350.910	-	35.550.142.364
Mua trong năm	-	29.609.791.454	5.940.350.910	-	35.550.142.364
3. Giảm trong năm	-	(150.000.000)	(375.063.636)	-	(525.063.636)
Do thanh lý	-	(150.000.000)	(375.063.636)	-	(525.063.636)
4. Số cuối năm	72.966.363.636	95.023.835.641	9.476.581.819	207.000.000	177.673.781.096
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.015.000	28.740.159.910	1.365.763.636	207.000.000	30.369.938.546
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	-	43.094.393.646	2.737.601.050	207.000.000	46.038.994.696
2. Tăng trong năm	9.644.377.044	9.596.558.732	1.258.160.088	-	20.499.095.864
Khấu hao trong năm	9.644.377.044	9.596.558.732	1.258.160.088	-	20.499.095.864
3. Giảm trong năm	-	(150.000.000)	(375.063.636)	-	(525.063.636)
Do thanh lý	-	(150.000.000)	(375.063.636)	-	(525.063.636)
4. Số cuối năm	9.644.377.044	52.540.952.378	3.620.697.502	207.000.000	66.013.026.924
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	72.966.363.636	22.469.650.541	1.173.693.495	-	96.609.707.672
2. Tại ngày cuối năm	63.321.986.592	42.482.883.263	5.855.884.317	-	111.660.754.172
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 32.719.294.610 VND (xem thuyết minh mục V.14)
- Công ty không có cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

(*) Xem thuyết minh V.6

8. Phải trả người bán

8a. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.200.000.000	69.055.056.247
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ	4.200.000.000	69.055.056.247
Phải trả nhà cung cấp khác	55.360.772.777	51.998.336.727
Công ty TNHH Chế tạo máy Dược phẩm Tiến Tuấn	12.706.442.960	-
Orchidpharma LTD	8.644.860.000	11.311.840.000
	(#USD 378.000)	(#USD 488.000)
Các nhà cung cấp khác	34.009.469.817	40.686.496.727
Cộng	59.560.772.777	127.784.131.324

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

8b. Phải trả người bán dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	29.155.056.247	-
Công ty Cp Dược phẩm Cần Giờ (*)	29.155.056.247	-
Phải trả nhà cung cấp khác	-	-
Cộng	29.155.056.247	-

(*) Theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 10 tháng 12 năm 2021, Nợ còn phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền 33.355.056.247 VND. Công ty sẽ thanh toán mỗi tháng 350.000.000 VND trong vòng 9 năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước của các bên liên quan	5.278.423.788	16.038.387.301
Huỳnh Thị Phương Thuận – bên liên quan thành viên BKS	5.174.107.285	16.038.387.301
Huỳnh Thị Phương Tứ – bên liên quan thành viên BKS	104.316.503	-
Người mua trả tiền trước của khách hàng khác	29.375.662.569	14.355.321.118
Công ty TNHH Dược phẩm Sài Thành	9.517.762.832	-
Công ty TNHH Dược phẩm Anh Dũng	2.810.481.246	7.407.578.334
Các khách hàng khác	17.047.418.491	5.452.958.584
Cộng	34.654.086.357	30.393.708.419

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.930.097.352	(3.930.097.352)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.425.362.554	4.424.803.754	(6.961.386.804)	-	888.779.504
Thuế thu nhập cá nhân	-	200.215.774	2.432.661.879	(1.995.595.589)	-	637.282.064
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	-	3.625.578.328	10.790.562.985	(12.890.079.745)	-	1.526.061.568

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế

được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương, thưởng phải trả	10.690.457.549	10.893.709.162
Dự phòng 17%	10.670.592.142	10.670.592.142
Cộng	21.361.049.691	21.564.301.304

(*) Công ty trích lập Quỹ dự phòng tiền lương năm 2021 với số tiền 10.200.000.000 VND theo Quyết định số 01/2021/QĐ-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Tổng Giám đốc phê duyệt.

12. Chi phí phải trả

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>899.942.309</i>	<i>1.447.906.414</i>
Chi phí độc hại tháng 12	12.927.348	12.927.349
Chi phí phải trả khác	887.014.961	1.434.979.065
Cộng	899.942.309	1.447.906.414

13. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>43.000.000</i>	<i>43.000.000</i>
Lê Hoàng Rin – Chủ tịch HĐQT	25.000.000	25.000.000
Trần Cung – Phó TGD	8.000.000	8.000.000
Nguyễn Chánh Hiền – Phó TGD	7.000.000	7.000.000
Huỳnh Công Triết – TV BKS	3.000.000	3.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.221.158.186</i>	<i>2.917.332.613</i>
Cổ tức phải trả	2.997.909.086	1.867.911.400
Tài sản thừa chờ xử lý	4.700.000	4.700.000
Kinh phí công đoàn	259.518.317	176.891.512
Bảo hiểm xã hội	394.375.217	403.980.565
Bảo hiểm y tế	333.087.774	335.397.161
Bảo hiểm thất nghiệp	46.681.132	47.253.243
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	184.886.660	81.198.732
Cộng	4.264.158.186	2.960.332.613

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay và nợ thuê tài chính

14a. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Trần Cung – P.TGD	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	39.553.679.135	39.553.679.135	31.413.963.693	31.413.963.693
Vay ngắn hạn ngân hàng	31.295.771.135	31.295.771.135	30.055.563.693	30.055.563.693
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng ⁽¹⁾	31.295.771.135	31.295.771.135	30.055.563.693	30.055.563.693
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.14b)	8.257.908.000	8.257.908.000	1.358.400.000	1.358.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	6.922.440.000	6.922.440.000	1.358.400.000	1.358.400.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Tân Bình	1.335.468.000	1.335.468.000	-	-
Cộng	39.553.679.135	39.553.679.135	32.713.963.693	32.713.963.693

⁽¹⁾ Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0023/KHBL/19NH ngày 19 tháng 10 năm 2021 (kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 0023/KHBL/19NH ngày 18 năm 11 năm 2019) của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng.

- Hạn mức tối đa: 55.000.000.000 VND (trước khi hoàn thành thủ tục thế chấp, công chứng (nếu pháp luật quy định bắt buộc) và đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, khách hàng được sử dụng Hạn mức Cho vay tối đa là 35.000.000.000 đồng; Trong trường hợp đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2022, khách hàng chưa thực hiện thế chấp, công chứng (nếu pháp luật quy định bắt buộc) và đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất là công trình xây dựng trên đất tại lô B1 - 10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Khách hàng được sử dụng hạn mức cho vay tối đa là 20.000.000.000 đồng; Khách hàng được sử dụng hạn mức cho vay với số tiền từ 35.000.000.000 đồng đến 55.000.000.000 đồng khi khách hàng hoàn thành thủ tục thế chấp, công chứng (nếu pháp luật quy định bắt buộc) và đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên lô đất tại lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư TSCĐ.

- Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ

- Thời hạn vay 06 tháng.

- Tài sản đảm bảo: (xem thuyết minh mục V.5, V.6, V.7)

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CH959711 tại Lô B1-10 đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM.

+ Máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty với tổng nguyên giá là 30.637.726.868 VND dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0037/NHNT-KD/19 ngày 18 tháng 11 năm 2019.

+ Máy nén viên HT-GS32MS-E và các thiết bị hỗ trợ kèm theo hợp đồng số 020220/HĐMB-USP ngày 04/02/2020 với nguyên giá là 3.346.582.408 đồng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0007/NHHT-KD/20 ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Hệ thống máy hòa tan 2 tốc độ PTWS D620 với nguyên giá là 640.000.000 VND dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0008/NHHT-KD/20 ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Máy sấy tầng sôi 150 với nguyên giá là 1.150.000.000 đồng dùng để đảm bảo vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0088/NHHT-KD/20 ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Tài sản hiện có hoặc sẽ được hình thành trong tương lai bao gồm hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh là nguyên vật liệu, thành phẩm, sản phẩm dở dang, bao bì, công cụ - dụng cụ, hóa chất và được để tại địa chỉ: Lô B1-10, đường D2, KCN Tây Bắc - Củ Chi, ấp Bà Tre 2, xã Tân An, huyện Củ Chi, TP.HCM (kèm theo Phụ lục danh mục hàng hóa thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0168/NHNT-KD/20 ngày 23 tháng 12 năm 2020 ký giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Một máy nén viên Model ECO IV Std - 27D và các máy móc/thiết bị/phụ kiện đi kèm theo hợp đồng số 02-04-20/HĐMB-USP ngày 17/04/2020 với nguyên giá là 1.081.781.769 đồng dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0041/NHNT-KD/21 ngày 17 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Hai hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model LC-2030C 3D Plus theo hợp đồng số 013-21/HĐMB/TSSE ngày 06 tháng 3 năm 2021 với nguyên giá là 1.920.000.000 đồng dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0102/NHNT-KD/21 ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Máy móc, thiết bị gồm hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model LC-2030 Plus theo hợp đồng 037-21/HĐMB-USP ngày 26 tháng 5 năm 2021 và máy nén viên Model ECO IV-27D cùng phụ kiện đi kèm theo hợp đồng số 02-04-20/HĐMB-USP ngày 17 tháng 4 năm 2020 với tổng nguyên giá là 1.879.054.496 đồng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0140/NHNT-KD/21 ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Máy đo độ hòa tan 12 vị trí Model UDT-814-12 bao gồm máy in và bộ nạp viên tự động theo hợp đồng số 067-20/HĐMB-TTSE ngày 30 tháng 9 năm 2020 với nguyên giá 715.000.000 VND dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0020/NHNT-KD/21 ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.055.563.693	124.568.129.775	-	(123.327.922.333)	31.295.771.135
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Tân Bình	-	25.066.598.658	-	(25.066.598.658)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	30.055.563.693	99.501.531.117	-	(98.261.323.675)	31.295.771.135
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.300.000.000	-	-	(1.300.000.000)	-
Trần Cung - P.TGD	1.300.000.000	-	-	(1.300.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.358.400.000	-	8.257.908.000	(1.358.400.000)	8.257.908.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	1.358.400.000	-	6.922.440.000	(1.358.400.000)	6.922.440.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Tân Bình	-	-	1.335.468.000	-	1.335.468.000
Cộng	32.713.963.693	124.568.129.775	8.257.908.000	(125.986.322.333)	39.553.679.135

14b. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	28.355.002.600	28.355.002.600	1.751.100.000	1.751.100.000
Vay dài hạn ngân hàng	28.355.002.600	28.355.002.600	1.751.100.000	1.751.100.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng ⁽¹⁾	26.523.449.600	26.523.449.600	1.751.100.000	1.751.100.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽²⁾	1.831.553.000	1.831.553.000	-	-
Cộng	28.355.002.600	28.355.002.600	1.751.100.000	1.751.100.000

⁽¹⁾ Các khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Kỳ Đồng, chi tiết như sau:

Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01TDH-0023/KHBL/19NH ký vào ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Hợp đồng số 02/SĐBD-01TDH-0023/KHBL/19NH sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số 01TDH-0023/KHBL/19NH ngày 12/3/2020 ký vào ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Kỳ Đồng.

- Hạn mức tối đa: 20.000.000.000 VND.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng tín dụng.
- Tài sản đảm bảo: (xem thuyết minh mục V.5, V.6, V.7)
 - + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CH959711 tại Lô B1-10 đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM.
 - + Máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty với tổng nguyên giá là 30.637.726.868 VND để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0037/NHNT-KD/19 ngày 18 tháng 11 năm 2019.
 - + Máy nén viên HT-GS32MS-E và các thiết bị hỗ trợ kèm theo hợp đồng số 020220/HĐMB-USP ngày 04/02/2020 với nguyên giá là 3.346.582.408 đồng dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0007/NHHT-KD/20 ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng.
 - + Hệ thống máy hòa tan 2 tốc độ PTWS D620 với nguyên giá là 640.000.000 VND dùng để đảm bảo vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0008/NHHT-KD/20 ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng.
 - + Một máy nén viên Model ECO IV Std - 27D và các máy móc/thiết bị/phụ kiện đi kèm theo hợp đồng số 02-04-20/HĐMB-USP ngày 17/04/2020 với nguyên giá là 1.081.781.769 đồng dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0041/NHNT-KD/21 ngày 17 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.
 - + Máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty kèm theo hợp đồng số 30-10/2021/HĐKT/UPU-TTP ngày 06 tháng 11 năm 2021 với tổng nguyên giá là 19.773.732.727 đồng dùng để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0001/NHNT-KD/22 ngày 6 tháng 01 năm 2022 giữa Công ty và ngân hàng.
 - + Hai hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model LC-2030C 3D Plus theo hợp đồng số 013-21/HĐMB/TSSE ngày 06 tháng 03 năm 2021 với nguyên giá là 1.920.000.000 đồng dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0102/NHNT-KD/21 giữa Công ty và Ngân hàng.
 - + Máy móc, thiết bị gồm hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model LC-2030 Plus theo hợp đồng 037-21/HĐMB-USP ngày 26 tháng 05 năm 2021 và máy nén viên Model ECO IV-27D cùng phụ kiện đi kèm theo hợp đồng số 02-04-20/HĐMB-USP ngày 17 tháng 04 năm 2020 với tổng nguyên giá là 1.879.054.49 đồng dùng để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0140/NHNT-KD/21 ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.
 - + Tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty với tổng nguyên giá là 2.131.545.454 VND.
 - + Máy đo độ hòa tan 12 vị trí Model UDT-814-12 bao gồm máy in và bộ nạp viên tự động theo hợp đồng số 067-20/HĐMB-TTSE ngày 30 tháng 9 năm 2020 với nguyên giá 715.000.000 VND dùng để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 0020/NHNT-KD/21 ngày 08 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.
- Khoản vay theo Hợp đồng vay từng lần trung dài hạn số 02TDH-0023/KHBL/19NH ngày 23 tháng 12 năm 2021 kèm theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 0023/KHBL/19NH ký ngày 18/11/2019.
- Hạn mức cho vay tối đa: 45.000.000.000 VND

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí nhận chuyển nhượng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất tại Lô B1-10, đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh từ Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cần Giờ.

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

- Thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.

- Tài sản đảm bảo: (xem thuyết minh mục V.14a V.6, V.7)

⁽²⁾Hợp đồng tín dụng số TBN2021126919/HDTD ngày 17 tháng 04 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Tân Bình.

- Số tiền vay: 4.070.000.000 VND.

- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh.

- Thời hạn: 36 tháng

- Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, theo từng lần trên giấy nhận nợ

- Phương thức cho vay: vay từng lần

- Tài sản đảm bảo: 1 Xe ô tô nhãn hiệu ISUZU và 1 xe ô tô HYUNDAI tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh mục V.7)

+ Một xe ô tô khách, nhãn hiệu HYUNDAI biển số kiểm soát 51B-509.84 kèm theo hợp đồng số 2102012/HĐMB ngày 01/03/2021 với nguyên giá là 3.391.181.818 đồng dùng để đảm bảo khoản cho vay theo hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là động sản số TBN 202113413757/HĐTC ngày 11/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

+ Một xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 51D-583.72 kèm theo hợp đồng số 0080/NH/HĐMB-TBSG/03-2021 ngày 09 tháng 03 năm 2021 với nguyên giá là 668.016.364 đồng dùng để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là động sản số TBN 202113390726/HĐTC ngày 17 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

Chi tiết	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	36.612.910.600	8.257.908.000	28.355.002.600	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	33.445.889.600	6.922.440.000	26.523.449.600	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Tân Bình	3.167.021.000	1.335.468.000	1.831.553.000	-
Cộng	36.612.910.600	8.257.908.000	28.355.002.600	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.109.500.000	1.358.400.000	1.751.100.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	3.109.500.000	1.358.400.000	1.751.100.000	-
Cộng	3.109.500.000	1.358.400.000	1.751.100.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.751.100.000	35.793.979.600	(4.938.569.000)	(8.257.908.000)	28.355.002.600
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- CN Kỳ Đồng	1.751.100.000	35.793.979.600	(4.099.190.000)	(6.922.440.000)	26.523.449.600
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN -CN Tân Bình	-	4.006.400.000	(839.379.000)	(1.335.468.000)	1.831.553.000
Cộng	1.751.100.000	35.793.979.600	(4.938.569.000)	(8.257.908.000)	28.355.002.600

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng từ phân phối lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.499.697.817	1.301.345.021	(310.660.000)	3.490.382.838
Quỹ phúc lợi	126.992.409	-	(56.200.000)	70.792.409
Quỹ thưởng BĐH, HĐQT, BKS	-	-	-	-
Cộng	2.626.690.226	1.301.345.021	(366.860.000)	3.561.175.247

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	175.000.000.000	6.196.430.000	-	16.246.978.167	197.443.408.167
Tăng trong năm trước	-	-	1.997.431.442	21.611.450.215	23.608.881.657
Giảm trong năm trước	-	-	-	(16.246.978.167)	(16.246.978.167)
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	175.000.000.000	6.196.430.000	1.997.431.442	21.611.450.215	204.805.311.657
Tăng trong năm	-	-	2.810.305.194	17.494.213.025	20.304.518.219
Giảm trong năm	-	-	-	(21.611.450.215)	(21.611.450.215)
Số dư cuối năm	175.000.000.000	6.196.430.000	4.807.736.636	17.494.213.025	203.498.379.661

16b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Thiện Văn	30,92%	54.113.120.000	52.951.360.000
Ông Lê Hoàng Rin	10,11%	17.689.110.000	16.955.070.000
Bà Phan Thị Hồng Liên	5,04%	8.821.130.000	8.767.210.000
Ông Trần Cung	5,00%	8.750.000.000	8.750.000.000
Các cổ đông khác	48,93%	85.626.640.000	87.576.360.000
Cộng	100,00%	175.000.000.000	175.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chi tiết	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn góp của chủ sở hữu	175.000.000.000	100	175.000.000.000	-
Cộng	175.000.000.000	100	175.000.000.000	-

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	175.000.000.000	175.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	175.000.000.000	175.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(17.500.000.000)	(10.500.000.000)

16d. Cổ phiếu

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.500.000	17.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.500.000	17.500.000
Cổ phiếu phổ thông	17.500.000	17.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.500.000	17.500.000
Cổ phiếu phổ thông	17.500.000	17.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

16e. Cổ tức

Trong năm, Công ty chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 01 tháng 12 năm 2021.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(16.370.002.314)	(17.382.088.600)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

16f. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

16g. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm		21.611.450.215
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.494.213.025
Phân phối trong năm:		(21.611.450.215)
Quỹ đầu tư phát triển	(2.810.305.194)	
Quỹ khen thưởng,	(1.301.145.021)	
Chia cổ tức năm 2020	(17.500.000.000)	
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm		17.494.213.025

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		77.900.413		77.900.413
Ngoại tệ các loại (USD)	4.895,34	113.131.307	4.295,28	99.242.444

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hưng		65.825.413		65.825.413	Khách hàng bỏ trốn không liên lạc được
Công ty CP Dược phẩm Kỳ Phương		12.075.000		12.075.000	Ngừng hoạt động không liên lạc được
Cộng		77.900.413		77.900.413	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	400.113.618.255	405.278.410.262
Doanh thu khác	80.795.100	90.333.178
Cộng	400.194.413.355	405.368.743.440

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Dược phẩm Huy Văn – Công ty liên quan đến TGD	42.146.260.139	69.238.660.824
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Văn – Công ty liên quan đến TGD	-	37.654.905.451
Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm – Công ty liên quan đến P.TGD	23.177.398.907	21.026.878.458
Công ty TNHH Dược phẩm Mặt Trời – Công ty liên quan đến P.TGD	58.002.725.125	55.067.673.912
Công ty TNHH Robinson Pharma USA - Công ty liên quan TV BKS	408.189.905	354.255.549
Công ty TNHH CALIFARCO USA - Công ty liên quan TV BKS	475.052.164	662.933.775
Cộng	132.947.737.231	127.920.444.733

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	135.857.249	246.379.432
Cộng	135.857.249	246.379.432

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	278.235.029.247	281.554.455.592
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.673.000.980	367.178.869
Giá vốn hàng khuyến mãi	25.388.617.713	27.091.068.257
Cộng	305.296.647.940	309.012.702.718

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.452.261	191.765.951
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	200.608.803	167.022.455
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	213.183	43.318.541
Cộng	215.274.247	402.106.947

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.997.042.651	2.025.603.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.344.276	167.122.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.990.234	-
Cộng	4.032.377.161	2.192.726.869

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.287.078.889	2.403.429.829
Chi phí vật liệu, bao bì	1.573.153	65.860.153
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khác bằng tiền	2.022.676.870	608.482.479
Cộng	5.311.328.912	3.077.772.461

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	39.483.565.711	46.854.956.621
Chi phí vật liệu quản lý	570.047.347	440.464.158
Chi phí đồ dùng văn phòng	993.934.572	809.187.657
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.375.271.290	2.464.829.023
Thuế, phí, lệ phí	8.992.000	10.200.000
Chi phí mua ngoài	2.290.778.367	1.104.985.698
Chi phí khác bằng tiền	13.283.443.343	12.693.217.212
Cộng	64.006.032.630	64.377.840.369

8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý TSCĐ	129.024.998	269.098
Chi phí khác	187.428.823	267.126.827
Cộng	316.453.821	267.395.925

9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi tiền phạt, chậm nộp theo thanh tra thuế ^(*)	10.598.334	-
Chi phí khác	14.282.418	94.011.694
Cộng	24.880.752	94.011.694

^(*) Theo Quyết định số 454/QĐ-CT ngày 8 tháng 2 năm 2021 của Cục thuế TP.HCM, cho kỳ tính thuế năm 2019.

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.919.016.779	27.036.812.769
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>24.880.741</i>	<i>90.000.000</i>
Tiền phạt, chậm nộp	24.880.741	90.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	21.943.897.520	27.126.812.769
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	21.943.897.520	27.126.812.769
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.388.779.504	5.425.362.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu ^(*)	36.024.250	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.424.803.754	5.425.362.554

^(*) Quyết định số 454/QĐ-CT ngày 8 tháng 2 năm 2021 của Cục thuế TP.HCM.

11. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.494.213.025	21.611.450.215
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.053.261.486)	(1.301.145.021)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.053.261.486)	(1.301.145.021)
- Trích quỹ thưởng BDH, HDQT, BKS (**)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.440.951.539	20.310.305.194
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.500.000	17.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	939	1.161

(*) Công ty tạm trính Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 01 tháng 12 năm 2021. Các khoản trích quỹ này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế khi có Nghị Quyết chính thức của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.500.000	17.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.500.000	17.500.000

11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.440.951.539	20.310.105.194
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.440.951.539	20.310.305.194
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.500.000	17.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	939	1.161

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.500.000	17.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- ...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.500.000	17.500.000

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.766.650.824	298.657.268.998
Chi phí nhân công	66.252.085.177	72.239.112.049
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.399.095.862	10.411.942.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.922.514.582	11.576.523.825
Chi phí khác bằng tiền	15.230.168.025	14.868.237.816
Cộng	311.570.514.470	407.753.085.058

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.14)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Trong năm, Công ty không phát sinh tài sản cho thuê hoạt động.

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Trần Thiện Văn – TV HĐQT kiêm TGD</i>		
Phải trả tiền thuê nhà	720.000.000	240.000.000
Đã trả tiền thuê nhà	(720.000.000)	(240.000.000)
Các thành viên Ban Điều hành		
<i>Trần Cung – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	10.000.000	136.000.000
- Hoàn ứng	(10.000.000)	(136.000.000)
- Đi vay	-	1.300.000.000
- Trả nợ vay	(1.300.000.000)	(1.000.000.000)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Nguyễn Chánh Hiền – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	10.000.000	12.303.000
- Hoàn ứng	(10.000.000)	(12.303.000)
<i>Mã Văn Anh – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	-	103.666.853
- Hoàn ứng	-	(103.666.853)
Các thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Huỳnh Thị Phương Thuận – bên liên quan với Huỳnh Công Triết (TV BKS)</i>		
Bù trừ công nợ ROB	10.944.480.015	10.918.372.523
Thu tiền bán hàng	99.999.999	9.039.480.834
Cổ tức đã trả	(124.754.000)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.14).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt ()*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	7.026.777.186	7.600.919.291
Thù lao	918.589.495	966.864.239
Cổ tức	9.756.343.000	10.149.274.800
Cộng	17.701.709.681	18.717.058.330

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Công ty Cổ phần US Pharma USA

Địa chỉ: Lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
Năm 2021					
<i>Hội đồng quản trị</i>		3.255.824.159	739.400.758	9.372.617.000	13.367.841.917
Lê Hoàng Rin	Chủ tịch HĐQT	345.533.336	170.291.602	1.732.209.000	2.248.033.938
Phan Thị Hồng Liên	P. Chủ tịch HĐQT	546.668.000	153.085.877	879.417.000	1.579.170.877
Trần Thiện Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	882.000.769	226.320.227	5.355.920.000	6.464.240.996
Trần Thế Mạnh	TV. HĐQT kiêm P.TGD kiêm Trưởng VPĐD	629.201.540	63.234.351	530.071.000	1.222.506.891
Trần Cung	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	852.420.514	126.468.701	875.000.000	1.853.889.215
<i>Ban Kiểm soát</i>		802.958.612	179.188.737	316.174.000	1.298.321.349
Phan Thị Ánh	Trưởng BKS	578.556.024	87.645.801	252.940.000	919.141.825
Huỳnh Công Triết	Thành viên BKS	52.200.000	61.028.623	63.234.000	176.462.623
Khưu Gia Ý	Thành viên BKS	172.202.588	30.514.313	-	202.716.901
<i>Ban Điều hành</i>		2.967.994.415	-	67.552.000	3.035.546.415
Phan Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	644.898.770	-	-	644.898.770
Nguyễn Chánh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	766.837.183	-	21.352.000	788.189.183
Trần Mạnh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	835.890.769	-	-	835.890.769
Võ Tiến Dũng	Kế toán trưởng	720.367.693	-	46.200.000	766.567.693
Cộng		7.026.777.186	918.589.495	9.756.343.000	17.701.709.681

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng
Năm 2020					
<i>Hội đồng quản trị</i>					
Lê Hoàng Rìn	Chủ tịch HĐQT	3.648.352.028	754.625.747	9.696.966.900	14.099.944.675
Phan Thị Hồng Liên	P. Chủ tịch HĐQT	293.067.234	117.910.273	1.459.521.400	1.870.498.907
Trần Thiện Văn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	625.548.006	141.492.327	964.393.100	1.731.433.433
Ngô Phi Hậu	Thành viên HĐQT	843.033.058	212.238.492	5.536.571.300	6.591.842.850
Trần Thế Mạnh	TV. HĐQT kiêm P.TGD kiêm Trưởng VPĐD	190.864.607	117.910.273	240.938.500	549.713.380
Trần Cung	TV HĐQT kiêm P.TGD	743.129.939	47.164.109	533.042.600	1.323.336.648
<i>Ban Kiểm soát</i>					
Phan Thị Ánh	Trưởng BKS	952.709.184	117.910.273	962.500.000	2.033.119.457
Huỳnh Công Triết	Thành viên BKS	971.292.594	212.238.492	372.500.700	1.556.031.786
Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Thành viên BKS	619.429.077	82.537.191	299.384.800	1.001.351.068
Khuu Gia Ý	Thành viên BKS	39.148.715	58.955.137	69.557.400	167.661.252
<i>Ban Điều hành</i>					
Phan Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	237.809.723	70.746.164	3.558.500	312.114.387
Nguyễn Chánh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	74.905.078	-	-	74.905.078
Mã Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc	2.981.274.669	-	79.807.200	3.028.466.485
Võ Tiến Dũng	Kế toán trưởng	695.922.779	-	-	695.922.779
		802.847.654	-	23.487.200	826.334.854
		764.198.934	-	5.500.000	769.698.934
		718.305.302	-	50.820.000	769.125.302
Cộng		7.600.919.291	966.864.239	10.149.274.800	18.717.058.330

4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Dược phẩm Cần giờ	Công ty liên quan HĐQT và BKS
Công ty TNHH Robinson Pharma USA	Công ty liên quan Thành viên TV BKS
Công ty TNHH Califarco USA	Công ty liên quan Thành viên TV BKS
Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm	Công ty liên quan TV HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực
Công ty CP Dược phẩm Mặt Trời	Công ty liên quan TV HĐQT kiêm Phó TGĐ thường trực

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ		
Thu tiền bán hàng	-	6.920.000.000
Nhận chuyển nhượng nhà máy	-	179.263.000.000
Mua tài sản cố định	-	737.000.000
Ứng trước tiền mua nhà máy	-	3.250.000.000
Cần trừ công nợ	-	40.301.624.053
Tiền thuê nhà máy	-	917.400.000
Thanh toán tiền thuê nhà máy	-	917.400.000
Thanh toán tiền mua nhà máy	35.700.000.000	-
Công ty CP Dược phẩm Huy Văn		
Bán hàng hoá	44.252.324.285	72.590.367.122
Thu tiền bán hàng	35.658.190.729	66.469.411.152
Cần trừ công nợ	99.796.200	503.801.550
Thu nhập khác	-	34.200.000

Công ty Cổ phần US Pharma USA

Địa chỉ: Lô B1-10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	180.412.575	-
<i>Công ty CP Dược phẩm Thiên Văn</i>		
Bán hàng hoá	-	39.986.026.926
Thu tiền bán hàng	-	43.729.522.651
Cần trừ công nợ	-	69.299.985
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Phương Tâm</i>		
Bán hàng hoá	24.368.741.928	22.110.708.003
Thu tiền bán hàng	24.998.559.119	21.606.075.289
<i>Công ty CP Dược phẩm Mặt Trời</i>		
Bán hàng hoá	61.434.941.876	58.279.397.320
Thu tiền bán hàng	56.550.000.000	52.574.844.086
Chi hộ cổ tức	-	489.263.127
Cần trừ công nợ	-	489.263.127
<i>Công ty TNHH Califarco USA</i>		
Bán hàng hoá	499.732.674	696.515.689
Thu tiền bán hàng	499.732.674	696.515.689
<i>Công ty TNHH Robinson Pharma USA</i>		
Bán hàng hoá	439.155.817	377.595.522
Thu tiền bán hàng	439.155.817	377.595.522

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.14).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí lãi vay vốn hoá

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh bán thành phẩm các sản phẩm thuốc y tế.

6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp Hàng tồn kho, Quyền sử dụng đất, Tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Kỳ Đồng (xem thuyết minh mục V.5, V.6, V.7 và V.14).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021, Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người lập biểu

PHẠM NGỌC ANH

Kế toán trưởng

VÕ TIÊN DŨNG

Tổng Giám đốc



TRẦN THIÊN VĂN

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 04
CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 31/12/2020;
- Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 03 năm 2011 của Quốc hội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần US Pharma USA

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 đạt hiệu quả cao nhất, Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

- Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là Công ty đại chúng. (đính kèm danh sách)
- Kinh nghiệm: Là đơn vị có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán, chi phí hợp lý.

Kính trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua ./.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS



PHAN THỊ ÁNH



**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM
TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC
CHỨNG KHOÁN NĂM 2022**

1. CÔNG TY TNHH KPMG (KPMG)
2. CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (E&Y)
3. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (DELOITTE)
4. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C (A&C)
5. CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC (AASC)
6. CÔNG TY TNHH PwC (VIỆT NAM) (PWC)
7. CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM) (GT)
8. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM (RSM)
9. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)
10. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
11. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (ICPA)
12. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN
ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
13. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM
TOÁN NAM VIỆT (AASCN)
14. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT (SVC)
15. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH (AISC)
16. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM
TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
17. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC (AAC)
18. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT
19. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO (BDO)
20. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC (FAC)
21. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP (TTP)
22. CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO (ASCO)
23. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
(AVA)
24. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM (AFC)
25. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO (VACO)
26. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT (AN VIỆT)

- 27. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)
- 28. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY)
- 29. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NTV)
- 30. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA HÀ NỘI)
- 31. CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM (PKF)
- 32. CÔNG TY TNHH CROWE VIỆT NAM (CROWE)
- 33. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN – KIỂM TOÁN S&S (S&S)

Nguồn : Cổng thông tin điện tử - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 05
THÀNH LẬP TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần US Pharma USA.
- Căn cứ Biên Bản Hội đồng Quản trị số 03/2022/BBH/HĐQT-USP ngày 02/03/2022

Căn cứ nhu cầu thực tế trong hoạt động điều hành, đáp ứng mục tiêu tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty, hướng tới chuẩn mực và thông lệ quốc tế, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua:

1. Chấp thuận chủ trương Hội đồng quản trị Công ty thành lập Tiểu ban Chiến lược trực thuộc Hội đồng quản trị.
2. Ủy quyền cho HĐQT quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức nhân sự; quy chế hoạt động (nếu có) và các vấn đề khác liên quan việc thành lập và hoạt động của Tiểu ban Chiến lược trực thuộc HĐQT tại Mục 1 Tờ trình này tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS

LÊ HOÀNG RIN

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2022

TỜ TRÌNH SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ TRONG GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Căn cứ:

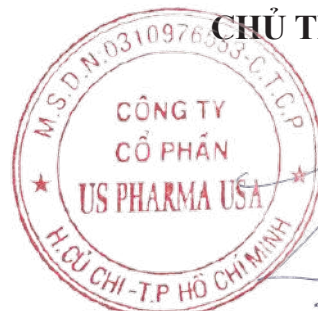
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần US Pharma USA.
- Căn cứ Biên Bản Hội Đồng Quản Trị số 07/2022/BBH/HĐQT-USP ngày 27/05/2022

Căn cứ tình hình hoạt động hiện nay và để phục vụ cho chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua:

1. Điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty (*Danh mục điều chỉnh, bổ sung đính kèm*).
2. Ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty CP US PHARMA USA tại Sở Kế hoạch Đầu tư TPHCM theo đúng quy định của pháp luật; Cập nhật sửa đổi, bổ sung tại Điều 4.1: **“Ngành nghề kinh doanh của Công ty”** của Điều lệ Công ty với các ngành nghề kinh doanh dự định điều chỉnh bổ sung nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ HOÀNG RIN

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HĐQT, BKS

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh sau:

Stt	(Mã) ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh	(Mã) ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh
1	(2100) Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc	(2100) Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa dược và dược liệu
2	(4649) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc	(4649) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Xuất khẩu, bán buôn, bán lẻ dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe do chính công ty sản xuất; Kinh doanh xuất, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ nguyên liệu, tá dược làm thuốc; Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng mỹ phẩm

2. Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:

Stt	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải nội bộ bằng đường bộ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
2	7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm); cho thuê xe tải
3	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, thuê nhà xưởng, cửa hàng, văn phòng, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua.

Stt	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
4	6820	Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất Chi tiết: Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Cho thuê lại mặt bằng
5	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm nghiệm nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe
6	7310	Quảng cáo Chi tiết: Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo như: Sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; Đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và xe buýt; Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuyến khích trưng quảng cáo; Marketing điểm bán; Quảng cáo thư trực tuyến
7	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ và dịch vụ chuyển giao công nghệ
8	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm
9	4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
10	4799	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu
11	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dược liệu do chính Công ty sản xuất. Bán lẻ hóa chất, vật tư y tế, trang thiết bị dụng cụ y tế ngành y, dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật.
12	5210	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết : Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và nguyên liệu làm thuốc



Stt	Mã ngành	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
13	3312	Sửa chữa máy móc thiết bị Chi tiết : Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm.
14	7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
15	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết : Bán buôn, xuất nhập khẩu nước tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, nước uống từ dược liệu, đồ uống không cồn, rượu cao độ
16	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển





**CÔNG TY CỔ PHẦN
US PHARMA USA**

Dự thảo

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

- **Tên Công ty** : Công ty Cổ phần US PHARMA USA
- **Trụ sở chính** : Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, H. Củ Chi, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Điện thoại** : (028) 3862 1919 **Fax:** (028) 3790 8856
- **Mã số doanh nghiệp** : Số 0302160137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 0310976553, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 03/11/2021

PHẦN 1: THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC

- **Thời gian** : 08 giờ 30 ngày 04 tháng 06 năm 2022
- **Địa điểm** : Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, H. Củ Chi, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- **Hình thức tổ chức** : Tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

PHẦN 2: KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG – KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Phan Thị Ánh thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày “**Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu**” đầu giờ:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày **06/04/2022**, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần US PHARMA USA.
- Lúc ..h, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần US PHARMA USA.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần US PHARMA USA, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần US PHARMA USA đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông qua Nhân sự Đoàn Chủ tọa, giới thiệu Ban Thư ký

Đoàn Chủ tọa:

- Ông Lê Hoàng Rin - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- Bà Phan Thị Hồng Liên – Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Trần Thiện Văn - Tổng giám đốc – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Trần Cung - Thành viên HĐQT – Thành viên Đoàn Chủ tọa
- Ông Trần Thế Mạnh - Thành viên HĐQT – Thành viên Đoàn Chủ tọa

Thư ký Đại hội:

- Bà Trần Ngọc Lan Trang - Trưởng Ban Thư ký Đại hội
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Thành viên Ban Thư ký
- Ông Phan Văn Phúc – Thành viên Ban Thư ký

Kết quả biểu quyết

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

3. Thông qua Ban Kiểm phiếu tại Đại hội

Ban Kiểm phiếu

- Ông Đoàn Ngọc Sơn – Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Ông Lê Trần Thiên Vũ – Thành viên Ban Kiểm phiếu
- Ông Nguyễn Văn Bình – Thành viên Ban Kiểm phiếu
- **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

4. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội và Chương trình Đại hội

Thông qua **Quy chế làm việc** tại Đại hội, với kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

5. Thông qua Chương trình Đại hội

Thông qua **Chương trình Đại hội** với kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

PHẦN 3: NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của HĐQT

Người trình bày: Ông Lê Hoàng Rin - Chủ tịch HĐQT

Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của Tổng giám đốc

Người trình bày: Ông Trần Thiện Văn – Tổng Giám đốc

Nội dung 03: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

Người trình bày: Bà Phan Thị Ánh.- Trưởng Ban Kiểm soát

PHẦN 4: THẢO LUẬN CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

...

...

...

PHẦN 5: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

Bà Phan Thị Ánh thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông trước biểu quyết lần 2

Lúc, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần US PHARMA USA.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung:

Tổng số phiếu phát ra:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp..

Tổng số phiếu không thu về:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của HĐQT

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của HĐQT

Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của Tổng giám đốc

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của Tổng giám đốc

Nội dung 03: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

PHẦN 6: NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Nội dung 04: Tờ trình số 01: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Người trình bày: Bà Phan Thị Hồng Liên - Phó Chủ tịch HĐQT

Nội dung 05: Tờ trình số 02: Thù lao HĐQT & BKS năm 2022

Người trình bày: Bà Phan Thị Hồng Liên - Phó Chủ tịch HĐQT

Nội dung 06: Tờ trình số 03: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Người trình bày: Ông Trần Cung – Thành viên HĐQT

Nội dung 07: Tờ trình số 04: Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Người trình bày: Ông Trần Cung – Thành viên HĐQT

Nội dung 08: Tờ trình số 05: Thành lập Tiểu ban Chiến lược

Người trình bày: Ông Trần Cung – Thành viên HĐQT

Nội dung 09: Tờ trình số 06: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Người trình bày: Ông Trần Cung – Thành viên HĐQT

PHẦN 7: THẢO LUẬN, GÓP Ý CÁC TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

...

...

...

PHẦN 8: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

Bà Phan Thị Ánh thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông trước biểu quyết lần 3

Lúc, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần US PHARMA USA.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung:

Tổng số phiếu phát ra:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp..

Tổng số phiếu không thu về:, đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Nội dung 04: Tờ trình số 01: Phân phối lợi nhuận năm 2021

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 01: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Nội dung 05: Tờ trình số 02: Thù lao HĐQT& BKS năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 02: Thù lao HĐQT& BKS năm 2022

Nội dung 06: Tờ trình số 03: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
-------------------------	-------------------	---------------------------

Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 03: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Nội dung 07: Tờ trình số 04: Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 04: Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Nội dung 08: Tờ trình số 05: Thành lập Tiểu ban Chiến lược

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 05: Thành lập Tiểu ban Chiến lược

Nội dung 08: Tờ trình số 05: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình số 06: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

PHẦN 9: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Đoàn Ngọc Sơn – Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: ...	- Số cổ phần: ...	- Tỷ lệ: ...% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN 10: BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần US PHARMA USA kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày.

Biên bản được lập thành hai (02) bản chính được lưu tại văn phòng Công ty Cổ phần US PHARMA USA.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2022

THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

TRẦN NGỌC LAN TRANG

LÊ HOÀNG RIN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
US PHARMA USA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần US PHARMA USA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP US PHARMA USA;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 04/06/2022 của CTCP US PHARMA USA;

QUYẾT NGHỊ

Ngày 04/06/2022, tại Công ty Cổ phần US PHARMA USA - Địa chỉ: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của HĐQT

Chi tiết tại Báo cáo của Hội đồng quản trị, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch 2022 của Tổng giám đốc

Chi tiết tại Báo cáo của Tổng Giám đốc, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

Chi tiết tại Báo cáo của Ban Kiểm soát, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 4: Thông qua Tờ trình số 01: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Chi tiết tại Tờ trình số 01, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 02: thù lao HĐQT & BKS năm 2022

Chi tiết tại Tờ trình số 02, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 03: Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Chi tiết tại Tờ trình số 03, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 04: chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Chi tiết tại Tờ trình số 04, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 05: thành lập Tiểu ban Chiến lược

Chi tiết tại Tờ trình số 05, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 06: điều chỉnh, bổ sung ngành nghề trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Chi tiết tại Tờ trình số 06, ngày 04 tháng 06 năm 2022 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần US PHARMA USA được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể Cổ đông tham dự Đại hội vào lúc giờ phút ngày 04 tháng 06 năm 2022;
- Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Văn Phòng Đại diện và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần US Pharma USA chịu trách nhiệm và thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

LÊ HOÀNG RIN